

NGUYỄN DANH NINH - VŨ DƯƠNG THỤY

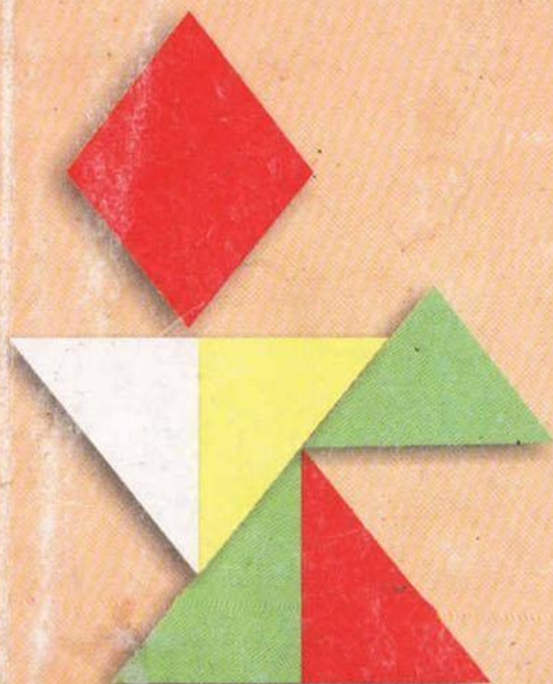
TOÁN

nâng cao

lớp 2

SÁCH GIẢI

SÁCH THAM KHẢO CHO GIÁO VIÊN VÀ PHỤ HUYNH HỌC SINH



$$14 \xrightarrow{-7} \boxed{?} \xrightarrow{+9} \boxed{?}$$

$$11 \xrightarrow{-4} \boxed{?} \xrightarrow{+5} \boxed{?}$$



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN DANH NINH - VŨ DƯƠNG THỤY

TOÁN

nâng cao

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

lớp 2

(Tái bản lần thứ tư)

Sách tham khảo dùng cho giáo viên và phụ huynh học sinh

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Tp. Đà Nẵng HUỖNH BÁ VÂN

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN VĂN NHO

Biên tập tái bản :

ĐẶNG VĂN TRÍ

NGUYỄN VĂN NHO

Trình bày bìa :

MINH TRÍ

Đơn vị liên doanh in và phát hành :

TRUNG TÂM SÁCH KHUYẾN HỌC PHÍA NAM

TOÁN NĂNG CAO LỚP 2

In 10.000 bản, khổ 16 x 24cm. Tại Cty TNHH IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM, Q.3, Tp.HCM.
Số Đăng ký xuất bản: 174-2008/CXB/20-341/GD. Quyết định xuất bản số : 2373/QĐ-GD
ngày 08.09.2008. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV-2008.

PHẦN THỨ NHẤT

CÁC KIẾN THỨC VÀ BÀI TOÁN

1- Ôn tập và bổ sung

Ôn tập các số đến 100

1. Viết tất cả các số có một chữ số.
2. a) Số bé nhất có một chữ số là số nào?
b) Số lớn nhất có một chữ số là số nào?
3. Viết tiếp các số có hai chữ số vào bảng sau.

10				14					
20					25				29
				33			37		
40									
		52							
				64					
						76			
					85				
				94					

4. Quan sát bài làm của bài 3 hãy trả lời thật nhanh các câu hỏi sau:
(Càng nhanh càng tốt)
 - a) Tất cả các số trong bảng là các số có mấy chữ số?
 - b) Số lớn nhất là số nào?
 - c) Số nhỏ nhất là số nào?

- d) Tất cả các số ở hàng thứ tư (tính từ trên xuống) có hàng chục là bao nhiêu?
 e) Tất cả các số có hàng chục là 7 nằm ở hàng nào của bảng số?
 g) Số nhỏ nhất; lớn nhất ở hàng thứ 3 (tính từ trên xuống) là số nào?
 h) Từ câu g (không quan sát bảng nữa) em hãy cho biết nhanh ý sau:

Các số ở hàng 8 có hàng chục là bao nhiêu? Số nhỏ nhất? Số lớn nhất?

- i) Các số ở cột 1 (tính từ trái sang phải) có hàng đơn vị là bao nhiêu?
 k) Số 55 thuộc hàng nào (tính từ trên xuống)? Thuộc cột nào (tính từ trái sang phải)?
 l) Lấy bút chì kẻ chéo từ số 10 xuống số 98 rồi quan sát và cho biết tính từ trên xuống, đường kẻ đi qua các số có hàng đơn vị lần lượt như thế nào?
 m) Nếu kẻ nối từ số 11 với số 99 thì em nhận xét thấy những điều gì?

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Số liền sau của 49 là số:.....; b) Số liền trước của 60 là số:.....
 c) Số liền trước của 99 là số:.....; d) Số liền trước của 100 là số:.....

6- Cho các số sau: 37; 12; 29; 48; 93; 85.

- a) Số nào nhỏ nhất? b) Số nào lớn nhất?
 c) Nói cách tìm nhanh nhất.

7. Cho các số sau: 36; 39; 32; 30; 37; 35.

- a) Số nào nhỏ nhất?
 b) Số nào lớn nhất?
 c) Nêu cách tìm nhanh nhất.

8. Trong mỗi hàng ở bảng số của bài 3, số nhỏ nhất có hàng đơn vị là bao nhiêu? Số lớn nhất có hàng đơn vị là bao nhiêu?

9. Viết theo mẫu:

a)

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
6	7	67	Sáu mươi bảy
2	9		
7	2		

9	9		
9	0		

b) $67 = 60 + 7$

$99 =$

$29 =$

$90 =$

$72 =$

10. Nói theo mẫu:

64 = sáu chục cộng 4

$28 =$

$31 =$

$57 =$

$89 =$

$66 =$

$47 =$

$70 =$

11.

$35 \dots 39$

$94 \dots 92$

$70 + 4 \dots 77$

<
=
>

$81 \dots 86$

$45 \dots 54$

$40 + 6 \dots 46$

$72 \dots 70$

$67 \dots 76$

$50 + 3 \dots 35$

$66 \dots 66$

$89 \dots 98$

$60 + 7 \dots 70$

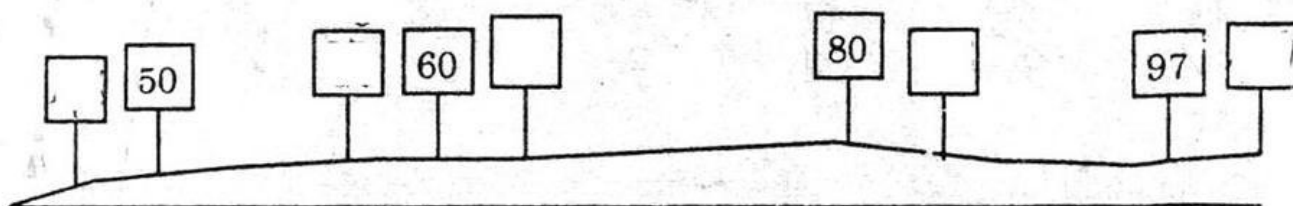
12. Nói cách điền dấu nhanh nhất ở bài 11.

13. Cho các số: 17, 13, 42, 24, 63, 36, 98, 89.

a) Viết theo thứ tự từ lớn đến bé.

b) Viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

14. Viết số thích hợp vào ô trống, biết các số đó là: 56, 43, 67, 89, 100



15.

Số hạng	13	21	32	40	53	5	87
Số hạng	6	4	7	20	5	41	0
Tổng	19						

16. Viết phép cộng rồi tính tổng, biết các số hạng là:

- | | |
|-------------|-------------|
| a) 36 và 22 | g) 34 và 61 |
| b) 41 và 54 | h) 53 và 26 |
| c) 63 và 15 | i) 18 và 71 |
| d) 19 và 70 | k) 14 và 32 |
| e) 27 và 40 | l) 49 và 50 |

17. Lớp 2A có 25 bạn nữ và 21 bạn trai. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu bạn vừa gái vừa trai?

18. Hôm qua An được 16 điểm toán và tiếng việt. Hôm nay An được 12 điểm vẽ và chữ viết. Hỏi cả hai ngày An được tất cả bao nhiêu điểm?

19. Tính:

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 41 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ + 20 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 50 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ + 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 49 \\ + 30 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 22 \\ \hline \end{array}$$

20. Em hãy giở lại bảng số đã điền đầy đủ ở bài 3, lấy bút chì kẻ đường chéo nối liền số 18 với số 90. Em hãy quan sát xem hàng đơn vị của các số (tính từ trên xuống) có thứ tự như thế nào?

Ta lại thấy số 18 có $1 + 8 = 9$. Các số còn lại có tổng hai chữ số là bao nhiêu?

21. Điền chữ số còn thiếu vào chỗ chấm

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 4\bullet \\ \hline 88 \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + \bullet 2 \\ \hline 69 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3\bullet \\ + 44 \\ \hline 77 \end{array} \quad \begin{array}{r} \bullet 8 \\ + 61 \\ \hline 89 \end{array} \quad \begin{array}{r} \bullet 3 \\ + 3\bullet \\ \hline 99 \end{array} \quad \begin{array}{r} \bullet 5 \\ + 5\bullet \\ \hline 77 \end{array}$$

22. Điền chữ số còn thiếu vào chỗ chấm:

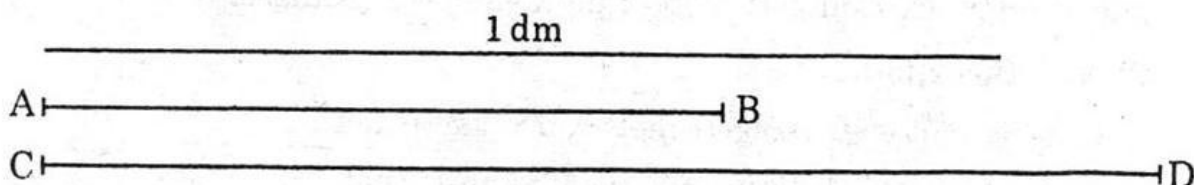
$$\begin{array}{r} \bullet 3 \\ + 3\bullet \\ \hline 44 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6\bullet \\ + \bullet 6 \\ \hline 88 \end{array} \quad \begin{array}{r} \bullet 7 \\ + 7\bullet \\ \hline 88 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5\bullet \\ + \bullet 5 \\ \hline 77 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4\bullet \\ + \bullet 4 \\ \hline 99 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1\bullet \\ + \bullet 1 \\ \hline 66 \end{array}$$

Em có nhận xét gì về số điền vào hai dấu chấm của mỗi phép tính?

Đê-xi-mét

- 23.**
- 10 xăng-ti-mét còn gọi là gì?
 - 1 xăng-ti-mét viết tắt thế nào?
 - 1 đê-xi-mét viết tắt như thế nào?
 - 1 đê-xi-mét bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

24. Cho hình vẽ dưới:



Điền ngắn hơn hoặc dài hơn vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a) Đoạn thẳng AB 1 dm
- b) Đoạn thẳng CD 1 dm
- c) Đoạn thẳng AB đoạn thẳng CD
- d) Đoạn thẳng CD đoạn thẳng AB

25. Không dùng phép đo, hãy điền ngắn hơn hoặc dài hơn vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a) 8 xăng-ti-mét 1 đề-xi-mét
- b) 12 xăng-ti-mét 1 đề-xi-mét
- c) 1 đề-xi-mét 9 xăng-ti-mét
- d) 1 đề-xi-mét 14 xăng-ti-mét

26. Hãy đo mỗi đoạn thẳng sau rồi điền số xăng-ti-mét vào chỗ chấm:



- a) Đoạn thẳng AB dài xăng-ti-mét



- b) Đoạn thẳng CD dài xăng-ti-mét



- c) Đoạn thẳng MN dài xăng-ti-mét

27. Viết số thích hợp vào chỗ chấm cho thích hợp theo mẫu:

- 10 xăng-ti-mét = 1 đề-xi-mét; 20 xăng-ti-mét = 2 đề-xi-mét
40 xăng-ti-mét = đề-xi-mét; 60 xăng-ti-mét = đề-xi-mét
50 xăng-ti-mét = đề-xi-mét; 30 xăng-ti-mét = đề-xi-mét
90 xăng-ti-mét = đề-xi-mét; 80 xăng-ti-mét = đề-xi-mét

28. Viết số thích hợp vào chỗ chấm cho thích hợp theo mẫu:

- 1 đề-xi-mét = 10 xăng-ti-mét ; 2 đề-xi-mét = 20 xăng-ti-mét
4 đề-xi-mét = xăng-ti-mét ; 5 đề-xi-mét = xăng-ti-mét

6 đề-xi-mét = ... xăng-ti-mét ; 3 đề-xi-mét = ... xăng-ti-mét

8 đề-xi-mét = ... xăng-ti-mét ; 7 đề-xi-mét = ... xăng-ti-mét

29. Viết theo mẫu:

15 xăng-ti-mét = 10 xăng-ti-mét + 5 xăng-ti-mét

= 1 đề-xi-mét + 5 xăng-ti-mét

27 xăng-ti-mét = ... xăng-ti-mét + ... xăng-ti-mét

= ... đề-xi-mét + ... xăng-ti-mét

77 xăng-ti-mét = ... xăng-ti-mét + ... xăng-ti-mét

= ... đề-xi-mét + ... xăng-ti-mét

48 xăng-ti-mét = ... xăng-ti-mét + ... xăng-ti-mét

= ... đề-xi-mét + ... xăng-ti-mét

30. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu)

Số bị trừ	29	18	60	78	49	83	34
Số trừ	7	3	40	26	15	61	34
Hiệu	22						

31. Viết phép trừ rồi tính hiệu (theo mẫu) biết:

a) Số bị trừ là 65, số trừ là 21

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 21 \\ \hline 44 \end{array}$$

b) Số bị trừ là 82, số trừ là 50

.....
.....
.....

c) Số bị trừ là 70, số trừ là 30

.....
.....
.....

d) Số bị trừ là 86, số trừ là 86

.....
.....
.....

e) Số bị trừ là 17, số trừ là 10

.....
.....
.....

g) Số bị trừ là 72, số trừ là 40

.....
.....
.....

32. Viết phép tính rồi tìm hiệu (theo mẫu) biết:

Số bị trừ là 35, số trừ là 24	Số bị trừ	Số trừ
$\begin{array}{r} 35 \\ - 24 \\ \hline 11 \end{array}$	69	27
	88	66
	47	25
	46	30
	93	90

33. Một người đem bán 9 con gà. Người đó đã bán 6 con gà. Hỏi còn lại mấy con gà?

34. Một sợi dây dài 27 dm, đã bị cắt đi 15 dm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét ?

35. Tính nhẩm:

$$70 - 40 - 20 = \dots\dots$$

$$60 - 10 - 30 = \dots\dots$$

$$60 - 30 - 30 = \dots\dots$$

$$19 - 10 - 9 = \dots\dots$$

$$47 - 20 - 7 = \dots\dots$$

$$84 - 60 - 4 = \dots\dots$$

36. a) Đặt tính rồi tính hiệu biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

63 và 41

98 và 78

79 và 70

63 và 63

86 và 55

27 và 27

b) So sánh số bị trừ với số trừ bằng các ký hiệu : $< = >$

c) Em có nhận xét gì về số bị trừ và số trừ?

37. a) Viết các số tròn chục và bé hơn 60.

b) Viết các số tròn chục (có hai chữ số) lớn hơn 40.

c) Viết số tròn chục lớn hơn 50 nhưng nhỏ hơn 80.

38. a) Viết số liền sau của 99.

b) Viết số liền trước của 1.

c) Viết số lớn hơn 35 nhưng nhỏ hơn 38.

d) Viết số lớn hơn 73, nhỏ hơn 75.

39. Đặt tính rồi tính:

- a) $34 + 61$ b) $15 + 34$ c) $23 + 52$
 d) $95 - 21$ e) $88 - 33$ g) $79 - 20$

40. Tính tổng, biết hai số hạng lần lượt là:

- 36 và 42 44 và 0 72 và 16
 13 và 25 67 và 10 14 và 14

41. Tính hiệu biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

- 68 và 52 60 và 20 99 và 29
 73 và 41 58 và 30 84 và 0

42. Tìm hiệu của mỗi cặp số sau:

- 57 và 25 60 và 60 16 và 18
 88 và 37 72 và 50 24 và 49

43. Một người có được 87 quả cam. Người đó đã bán 45 quả. Hỏi người đó còn lại bao nhiêu quả cam?

44. Một người nuôi 50 con vịt. Người đó để lại 10 con, còn lại thì đem bán. Hỏi người đó bán bao nhiêu con vịt?

45. Một người có được 67 quả trứng. Người đó đã bán 67 quả trứng. Hỏi người đó còn lại mấy quả trứng?

46. a) Khi số trừ là bao nhiêu thì hiệu số bằng số bị trừ?

b) Số bị trừ và số trừ như thế nào thì hiệu số bằng 0?

2 – Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

47. a) Mẫu:

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$7 + 3 = 10$$

$$3 + 7 = 10$$

$$10 = 7 + 3$$

$$10 = 3 + 7$$

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$9 + \dots = 10$$

$$8 + \dots = 10$$

$$6 + \dots = 10$$

$$1 + \dots = 10$$

$$2 + \dots = 10$$

$$4 + \dots = 10$$

$$\begin{array}{lll}
 10 = 9 + \dots\dots & 10 = 8 + \dots\dots & 10 = 6 + \dots\dots \\
 10 = 1 + \dots\dots & 10 = 2 + \dots\dots & 10 = 4 + \dots\dots \\
 5 + \dots\dots = 10 & 10 = 5 + \dots\dots &
 \end{array}$$

48. Tính nhẩm theo mẫu:

$$\begin{array}{ll}
 8 + 2 + 5 & 1 + 9 + 8 \\
 = 10 + 5 = 15 & = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots \\
 5 + 5 + 6 & 3 + 7 + 8 \\
 = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots & = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots \\
 7 + 3 + 9 & 5 + 5 + 4 \\
 = \dots\dots + 9 = \dots\dots & = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots \\
 4 + 6 + 7 & 9 + 1 + 6 \\
 = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots & = \dots\dots + \dots\dots = \dots\dots
 \end{array}$$

49. Tính:

$$\begin{array}{r}
 \begin{array}{r} 39 \\ + 1 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 22 \\ + 8 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 47 \\ + 3 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 64 \\ + 6 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 25 \\ + 25 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 11 \\ + 9 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 22 \\ + 38 \\ \hline \end{array} \\
 \begin{array}{r} 15 \\ + 35 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 23 \\ + 37 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 44 \\ + 26 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 22 \\ + 48 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 38 \\ + 42 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 29 \\ + 31 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 41 \\ + 39 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 27 \\ + 63 \\ \hline \end{array}
 \end{array}$$

50. Tính nhanh theo mẫu:

$$\begin{array}{ll}
 \text{a) } 6 + 4 + 7 & \text{b) } 8 + 3 + 7 \\
 = 10 + 7 = 17 & = 8 + 10 = 18 \\
 6 + 9 + 1 & 3 + 7 + 7 & 9 + 1 + 9 \\
 2 + 8 + 7 & 2 + 6 + 4 & 7 + 3 + 7 \\
 6 + 5 + 5 & 8 + 2 + 8 & 6 + 4 + 6 \\
 4 + 6 + 4 & 1 + 9 + 1 & 5 + 5 + 5 \\
 5 + 7 + 3 & 3 + 8 + 2 & 2 + 8 + 2
 \end{array}$$

51. Tính:

$$\begin{array}{r}
 \begin{array}{r} 48 \\ + 5 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 63 \\ + 9 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 47 \\ + 8 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 56 \\ + 7 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 49 \\ + 8 \\ \hline \end{array}
 \begin{array}{r} 77 \\ + 7 \\ \hline \end{array}
 \end{array}$$

52. Đặt phép cộng rồi tính tổng, biết các số hạng là:

59 và 17

66 và 28

43 và 38

63 và 18

62 và 29

15 và 49

27 và 45

48 và 25

65 và 27

53. Lớp 2A có 35 học sinh. Lớp 2B có 38 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

54. Một đàn vịt có 78 con vịt mái và 15 con vịt trống. Hỏi đàn vịt có tất cả bao nhiêu con vịt ?

55. Một đàn đu quay có 30 ghế ngồi. Một đàn đu quay khác có 45 ghế ngồi. Hỏi cả hai đàn đu quay đó có bao nhiêu ghế ngồi?

56.

$<$ $=$ $>$	$8 + 7 \dots\dots 8 + 4$	$9 + 3 \dots\dots 4 + 9$
	$8 + 6 \dots\dots 6 + 8$	$9 + 2 \dots\dots 2 + 9$
	$8 + 2 \dots\dots 4 + 8$	$9 + 2 \dots\dots 1 + 9$
	$7 + 8 \dots\dots 8 + 7$	$4 + 7 \dots\dots 7 + 1$
	$6 + 5 \dots\dots 5 + 6$	$6 + 8 \dots\dots 8 + 3$

57. Tính nhẩm theo mẫu:

a) $9 + 8 = 9 + 1 + 7$

$= 10 + 7 = 17$

$9 + 9$

$9 + 8$

$9 + 6$

$9 + 7$

$9 + 5$

$8 + 9$

$8 + 7$

$8 + 4$

$8 + 8$

$8 + 6$

b) $6 + 6 = 6 + 4 + 2$

$= 10 + 2 = 12$

$7 + 8$

$7 + 6$

$7 + 9$

$7 + 7$

$7 + 5$

$6 + 8$

$6 + 9$

$6 + 5$

$6 + 7$

$6 + 6$

58. Đặt tính rồi tính:

$37 + 28$

$67 + 18$

$49 + 36$

$75 + 19$

$54 + 42$

$73 + 18$

59. a) Tóm tắt bài toán:

Đàn thứ nhất: 37 con dê

Đàn thứ hai: 39 con dê

Cả hai đàn:con dê?

Bài giải:

Số con dê ở cả hai đàn là:

$37 + 39 = 76$ (con dê)

Đáp số: 76 con dê.

b) Tóm tắt bài toán rồi giải theo mẫu trên.

1- Cành trên có 19 quả chanh. Cành dưới có 27 quả chanh. Hỏi cả hai cành có bao nhiêu quả chanh?

2 - Gói kẹo sữa có 40 cái kẹo. Gói kẹo dừa có 37 cái kẹo. Hỏi cả hai gói có bao nhiêu cái kẹo?

60. Giải bài toán theo mẫu:

a) Tóm tắt bài toán:

Cành trên có: 13 quả cam

Cành dưới hơn cành trên: 9 quả cam

Hỏi cành dưới cóquả cam?

Bài giải

Số quả cam ở cành dưới là:

$$13 + 9 = 22 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 22 quả cam.

b) Tóm tắt bài toán rồi giải:

1 - Tuấn có 20 hòn bi. Bình có nhiều hơn Tuấn 15 hòn bi. Hỏi Bình có bao nhiêu hòn bi?

2 - Đoạn thẳng AB dài 46 dm. Đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 17 dm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu đề-xi-mét?

3 - Anh Bình 16 tuổi. Ông hơn anh Bình 27 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

61. Bố 45 tuổi. Ông hơn bố 37 tuổi. Hỏi ông bao nhiêu tuổi?

62. Điền chữ số còn thiếu vào ô trống:

$$\begin{array}{r} 4 \square \\ + 17 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \square \\ + 24 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ + 1\square \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 6 \\ + 3\square \\ \hline 85 \end{array}$$

63. Tính nhẩm:

$$30 + 25$$

$$27 + 60$$

$$60 + 23$$

$$40 + 36$$

$$19 + 70$$

$$52 + 20$$

$$50 + 28$$

$$43 + 50$$

$$10 + 77$$

64. Giải bài toán theo mẫu:

a) Bạn Nam cao 95 cm. Bạn Bắc thấp hơn bạn Nam 3 cm. Hỏi bạn Bắc cao bao nhiêu centimet?

Tóm tắt bài toán

Nam cao 95 cm

Bắc thấp hơn Nam 3 cm

Bắc cao.....cm?

Bài giải:

Bạn Bắc cao là:

$$95 - 3 = 92 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 92 cm.

b) Tóm tắt rồi giải bài toán.

Bố 49 tuổi. Mẹ kém bố 5 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

65. Cây tre dài 57 dm. Cây tre ngắn hơn cây tre dài 6 dm. Hỏi cây tre ngắn dài bao nhiêu đề-xi-mét?

66. Lớp 2A có 28 học sinh gái. Số học sinh trai ở lớp 2A ít hơn số học sinh gái là 7 người. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh trai?

67. Giải bài theo tóm tắt sau:

Bài giải:

Anh 19 tuổi

em kém anh 6 tuổi

Em:.....tuổi?

Kilôgam

68. a) Kể tên các loại cân em đã học.

Gợi ý: Xem sách giáo khoa (Toán) trang 32 -- 33.

b) Muốn biết một con gà, một miếng thịt, một quả dưa nặng bao nhiêu, ta dùng vật gì để đo?

c) Đơn vị để đo khối lượng của vật mà em đã học là đơn vị nào? Viết tắt là gì?

69. a) Viết các số sau:

- Sáu kilôgam

- Mười bảy kilôgam

- Tám kilôgam

- Hai mươi lăm kilôgam.

b) Đọc các số sau:

9 kg

18 kg

45 kg

13 kg

21 kg

99 kg

70. Viết phép tính rồi tính:

$16 \text{ kg} + 8 \text{ kg}$

$63 \text{ kg} + 28 \text{ kg}$

$29 \text{ kg} + 13 \text{ kg}$

$59 \text{ kg} + 37 \text{ kg}$

$38 \text{ kg} + 45 \text{ kg}$

$16 \text{ kg} + 77 \text{ kg}$

71. Tính:

$5 \text{ kg} + 7 \text{ kg} - 2 \text{ kg}$

$8 \text{ kg} - 6 \text{ kg} + 7 \text{ kg}$

$17 \text{ kg} - 10 \text{ kg} + 7 \text{ kg}$

$27 \text{ kg} - 7 \text{ kg} + 15 \text{ kg}$

$29 \text{ kg} - 9 \text{ kg} + 6 \text{ kg}$

$23 \text{ kg} - 2 \text{ kg} + 6 \text{ kg}$

72. Mẹ mua 32 kg gạo. Đã ăn hết một túi có 12 kg gạo. Hỏi còn lại bao nhiêu kilôgam gạo?

73. Nam nặng 25 kg. Đông nặng hơn Nam 3 kg. Hỏi Đông nặng bao nhiêu kilôgam?

74. Ngỗng nặng 5 kg. Gà nặng kém ngỗng 2 kg. Hỏi gà nặng mấy kilôgam?

75. Viết phép tính rồi tính:

$39 \text{ kg} - 17 \text{ kg}$

$99 \text{ kg} - 77 \text{ kg}$

$45 \text{ kg} - 25 \text{ kg}$

$85 \text{ kg} - 33 \text{ kg}$

$68 \text{ kg} - 53 \text{ kg}$

$17 \text{ kg} - 26 \text{ kg}$

76. Tính nhẩm theo mẫu:

Mẫu: $60 + 40 = ?$

nhẩm: $6 \text{ chục} + 4 \text{ chục} = 10 \text{ chục}$

$10 \text{ chục} = 100$

Vậy: $60 + 40 = 100$

$20 + 80 =$

$70 + 30 =$

$50 + 50 =$

$10 + 90 =$

$40 + 60 =$

77. Tính:

$$\begin{array}{r} 76 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 72 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 95 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 46 \\ \hline \end{array}$$

78. Tính nhẩm theo mẫu:

Mẫu: $35 + 65 = ?$

nhẩm: $35 + 65 = 35 + 5 + 60$

$= 40 + 60 = 100$

Vậy: $35 + 65 = 100$.

$73 + 17 =$

$82 + 18 =$

$46 + 54 =$

$31 + 49 =$

$25 + 45 =$

79. Tính nhẩm theo mẫu:

Mẫu: $27 + 45 = ?$

nhẩm: $27 + 45 = 27 + 3 + 42$
 $= 30 + 42 = 72$

Vậy: $27 + 45 = 72$

$64 + 19 =$

$57 + 25 =$

$43 + 28 =$

$67 + 27 =$

$48 + 36 =$

Lít

80. Lít viết tắt là l

a) Đọc các số sau theo mẫu:

16 l đọc là: mười sáu lít.

73 l.....

88 l.....

42 l.....

65 l.....

b) Viết các số sau theo mẫu:

Bảy mươi nhăm lít viết là 75 l

Mười chín lít.....

Sáu mươi tám lít.....

Bốn mươi bảy lít.....

Năm mươi hai lít.....

81. Viết phép tính rồi tính theo mẫu :

$45\text{ l} + 27\text{ l} = ?\text{ l}$

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 45\text{ l} \\ + 27\text{ l} \\ \hline 72\text{ l} \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 45 \\ + 27 \\ \hline 72(\text{l}) \end{array}$$

$38\text{ l} + 19\text{ l}$

$21\text{ l} + 45\text{ l}$

$64\text{ l} + 18\text{ l}$

$27\text{ l} + 48\text{ l}$

$83\text{ l} + 12\text{ l}$

$29\text{ l} + 36\text{ l}$

$63\text{ l} + 17\text{ l}$

$57\text{ l} + 23\text{ l}$

$43\text{ l} + 48\text{ l}$

82. Viết phép tính rồi tính theo mẫu:

$79\text{ l} - 36\text{ l} = ?\text{ l}$

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 791 \\ - 361 \\ \hline 431 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 79 \\ - 36 \\ \hline 43(1) \end{array}$$

$861 - 451$

$391 - 141$

$991 - 721$

$371 - 141$

$561 - 231$

$671 - 551$

$671 - 251$

$881 - 431$

$881 - 821$

83. Bố mua 25 lít xăng để dùng cho xe máy. Bố đã dùng hết 14 lít. Hỏi còn lại bao nhiêu lít xăng?

84. Một cửa hàng nước mắm buổi sáng bán được 57 l, buổi chiều bán được 43 l. Hỏi cả hai buổi, cửa hàng đã bán được bao nhiêu lít nước mắm.

85. Một thùng bia có 47 l. Nhà hàng đã bán 35 l. Hỏi thùng bia đó còn lại bao nhiêu lít bia?

3- Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

86. a) Tính x ở mỗi phép tính sau:

$x + 24 = 75$

$x + 31 = 64$

$63 + x = 89$

$x + 42 = 99$

$42 + x = 76$

$57 + x = 100$

b) Muốn tìm số hạng chưa biết của tổng ta làm thế nào?

87. Viết số thích hợp vào ô trống:

Số hạng	27	29		83	41	
Số hạng	36		65			43
Tổng		40	95	83	72	86

88. Tính:

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 70 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ - 12 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 80 \\ - 16 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 50 \\ - 13 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 60 \\ - 42 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ - 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 70 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

89. Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

13 và 8	51 và 8	84 và 16	65 và 27
13 và 9	62 và 9	84 và 27	82 và 45
13 và 3	73 và 15	93 và 48	73 và 48

90. Trừ nhẩm theo mẫu:

$$13 - 8 = 13 - 3 - 5 \\ = 10 - 5 = 5$$

$11 - 5 =$	$12 - 7 =$	$14 - 7 =$	$17 - 9 =$
$16 - 9 =$	$12 - 4 =$	$15 - 9 =$	$13 - 8 =$
$18 - 9 =$	$13 - 7 =$	$17 - 8 =$	$14 - 9 =$

91. Đặt tính rồi tính:

$43 - 25$	$31 - 17$	$73 - 48$	$60 - 45$	$45 - 27$
$46 - 19$	$62 - 44$	$57 - 29$	$38 - 19$	$64 - 38$

92. Trừ nhẩm theo mẫu:

$63 - 18 = ?$	$48 - 19$	$63 - 17$	$51 - 16$
$= 50 + 13 - 10 - 8$			
$50 - 10 = 40$			
$13 - 8 = 5$			
$40 + 5 = 45$			
Vậy $63 - 18 = 45$			

93. Ông 72 tuổi. Bố 35 tuổi. Hỏi ông hơn bố bao nhiêu tuổi?

94. Bố 52 tuổi. Mẹ 44 tuổi. Hỏi bố hơn mẹ bao nhiêu tuổi?

95. Anh 17 tuổi. Tý 9 tuổi. Hỏi Tý kém anh bao nhiêu tuổi?

96. Lớp 2A có 32 học sinh. Trong lớp có 18 học sinh nữ, còn lại là học sinh nam. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh nam?

97. Tìm x:

a) $x + 17 = 42$	$19 + x = 53$	$29 + x = 94$
b) $x + 28 = 64$	$27 + x = 66$	$x + 78 = 93$

98. Tính:

$\begin{array}{r} 53 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 73 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 52 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 93 \\ - 42 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 78 \\ - 49 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 55 \\ - 30 \\ \hline \end{array}$
---	---	---	---	---	---	---	---

99. Hai thùng dầu có tất cả 95 l. Thùng thứ nhất có 48 l. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?

100. Tổng số tuổi của bố và anh là 84. Tuổi bố là 58. Hỏi năm nay anh bao nhiêu tuổi?

101. Tổng của hai số là 83. Một trong hai số là 37. Tìm số còn lại.

102. Một đàn vịt có 92 con. Trong đàn có 17 con vịt trống. Hỏi đàn có bao nhiêu con vịt mái?

103. Tấm vải hoa dài 43 m. Tấm vải trắng ngắn hơn tấm vải hoa 17 m. Hỏi tấm vải trắng dài bao nhiêu mét?

104. a) Tìm x theo mẫu:

$$72 - x = 14$$

$$x = 72 - 14 = 58$$

$$\text{Vậy } x = 58$$

$$64 - x = 19$$

$$81 - x = 37$$

$$45 - x = 18$$

$$82 - x = 66$$

$$75 - x = 38$$

$$45 - x = 28$$

b) Muốn tìm số trừ ta làm thế nào?

105. a) Tìm x theo mẫu:

$$x - 36 = 27$$

$$x = 27 + 36 = 63$$

$$\text{Vậy } x = 63$$

$$x - 25 = 47$$

$$x - 19 = 27$$

$$x - 63 = 26$$

$$x - 43 = 19$$

$$x - 58 = 27$$

$$x - 67 = 29$$

b) Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?

106. Tính theo mẫu:

$$33 + 42 - 58$$

$$= 75 - 58 = 17$$

$$\text{Vậy } 33 + 42 - 58 = 17$$

$$42 + 53 - 39$$

$$19 + 42 - 60$$

$$36 + 45 - 67$$

$$37 + 28 - 49$$

$$46 + 39 - 58$$

$$12 + 63 - 74$$

107. Thùng to có 63 l dầu. Thùng bé có ít hơn thùng to 17 l. Hỏi thùng bé có bao nhiêu lít dầu?

108. Thùng bé có 35 kg đường. Thùng bé có ít hơn thùng to 19 kg đường. Hỏi thùng to có bao nhiêu kilôgam đường?

109. Tấm vải ngắn dài 36 m. Tấm vải ngắn kém tấm vải dài 9 m. Hỏi tấm vải dài dài bao nhiêu mét?

110. Tìm hiệu biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

100 và 6

100 và 4

100 và 15

100 và 79

100 và 17

100 và 39

100 và 42

100 và 95

111. Nêu tên các điểm thẳng hàng (dùng thước để kiểm tra)

a) A.

.B

.C

b) M.

.N

D.

E.

.G

.E

.O

.P

.Q

.D

P.

Q.

.M

Ngày , giờ

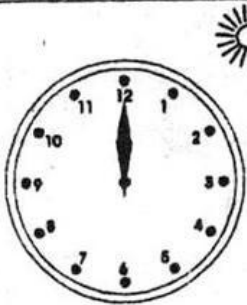
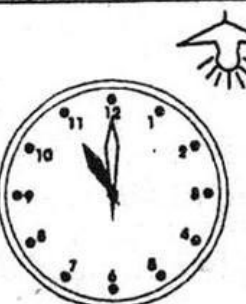
Bảng giờ trong một ngày.

- Ngày mới bắt đầu ngay liền sau lúc 12 giờ đêm.
- Ngày kết thúc đúng lúc 12 giờ đêm.
- Một ngày có 24 giờ nhưng mặt đồng hồ chỉ chia thành 12 giờ, vì vậy ta có bảng giờ trong 1 ngày như sau.

Giờ trên đồng hồ	Giờ trong ngày
1 giờ đêm	1 giờ
2 giờ đêm	2 giờ
3 giờ đêm	3 giờ
4 giờ đêm	4 giờ
5 giờ sáng	5 giờ
6 giờ sáng	6 giờ
7 giờ sáng	7 giờ
8 giờ sáng	8 giờ
9 giờ sáng	9 giờ
10 giờ sáng	10 giờ
11 giờ trưa	11 giờ
12 giờ trưa	12 giờ
1 giờ chiều	13 giờ

2 giờ chiều	14 giờ
3 giờ chiều	15 giờ
4 giờ chiều	16 giờ
5 giờ chiều	17 giờ
6 giờ chiều	18 giờ
7 giờ tối	19 giờ
8 giờ tối	20 giờ
9 giờ tối	21 giờ
10 giờ đêm	22 giờ
11 giờ đêm	23 giờ
12 giờ đêm	24 giờ

112. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a)  Lúc này là.....giờ	b)  Lúc này là.....giờ	c)  Lúc này là.....giờ
d)  Lúc này là.....giờ	e)  Lúc này là.....giờ	f)  Lúc này là.....giờ

Gợi ý: Nếu chưa quen xác định thì xem bảng giờ trong một ngày.

113. Chị Oanh có vé xem văn nghệ lúc 20 giờ. Lúc đó, đồng hồ chỉ vào mấy giờ?

114. Em bắt đầu học bài lúc 7 giờ tối. Lúc đó là mấy giờ trong ngày?

115. Lúc kết thúc ngày đồng hồ chỉ mấy giờ?

116. Lúc 3 giờ chiều là mấy giờ trong ngày?

117. Lúc 5 giờ chiều là mấy giờ trong ngày?

Ngày, tháng

118. Dưới đây là lịch tháng 2 năm 2003 (năm không nhuận)

C.Nhật	T.Hai	T.Ba	T.Tư	T.Năm	T.Sáu	T.Bảy
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	

a) Tháng 2 năm 2003 có bao nhiêu ngày?

b) Tháng 2 năm 2003 có mấy ngày chủ nhật? Đó là các ngày nào trong tháng?

c) Các ngày thứ năm trong lịch trên là những ngày nào trong tháng?

(Xem bảng số ngày các tháng của năm trang 23 liên sau).

119. Em xem lịch năm 2003 rồi cho biết những tháng nào trong năm có:

a) 30 ngày.

b) 31 ngày.

c) Có 5 ngày chủ nhật.

120. Một ngày chủ nhật nào đó trùng vào ngày 9 của tháng đó. Hỏi ngày chủ nhật liền sau đó là ngày bao nhiêu của tháng đó?

121. Một tháng nào đó có ngày chủ nhật là ngày 2 của tháng đó. Hỏi các ngày chủ nhật trong tháng đó là những ngày nào trong tháng đó?

122. Mẹ đi công tác xa trong hai tuần. Mẹ ra đi hôm thứ hai ngày 3. Hỏi đến ngày mấy mẹ sẽ về? Ngày ấy là ngày thứ mấy trong tuần?

123. Một tháng nào đó có ngày chủ nhật trùng vào ngày 17 của tháng đó. Hỏi ngày chủ nhật đầu tiên của tháng đó trùng vào ngày mấy?

124. Ngày mồng một của một tháng nào đó là ngày chủ nhật. Hỏi ngày chủ nhật cuối cùng của tháng đó là ngày nào?

125. Tháng hai có thể có 5 ngày chủ nhật không? Tại sao?

126. Tháng hai của một năm không nhuận có các ngày chủ nhật rơi vào các ngày: 7; 14; 21; 28 của tháng đó. Hỏi các ngày chủ nhật của tháng ba cùng năm đó rơi vào những ngày nào?

127. Có thể có tháng hai của một năm nào đó chỉ có 3 ngày chủ nhật được không? Tại sao?

* Số ngày trong các tháng của một năm.

Tên tháng	Số ngày	Tên tháng	Số ngày
Tháng giêng (1)	31	Tháng bảy	31
Tháng hai	28 năm thường 29 năm nhuận	Tháng tám	31
Tháng ba	31	Tháng chín	30
Tháng tư	30	Tháng mười	31
Tháng năm	31	Tháng mười một	30
Tháng sáu	30	Tháng mười hai	31

(Cứ 4 năm mới có một năm nhuận)



www.sachgiai.com

4- Phép nhân, phép chia

Tổng của nhiều số

128. Tính:

$$\begin{array}{r}
 12 \\
 + 41 \\
 \hline
 35
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 45 \\
 + 30 \\
 \hline
 8
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 12 \\
 12 \\
 + 12 \\
 \hline
 12
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 23 \\
 23 \\
 + 23 \\
 \hline
 23
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 25 \\
 25 \\
 + 25 \\
 \hline
 25
 \end{array}$$

129. Viết theo mẫu :

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 6 = 12 \text{ hoặc } 6 \times 2 = 12$$

$$5 + 5 + 5 = 3 \times 5 = 15 \text{ hoặc } 5 \times 3 = 15$$

$$8 + 8 + 8 + 8 = \dots \times \dots = \dots \text{ hoặc } \dots \times \dots = \dots$$

$$9 + 9 + 9 + 9 + 9 = \dots \times \dots = \dots \text{ hoặc } \dots \times \dots = \dots$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = \dots \times \dots = \dots \text{ hoặc } \dots \times \dots = \dots$$

130. Viết các phép nhân, biết:

- a) Các thừa số là 7 và 3, tích là 21.
- b) Các thừa số là 6 và 4, tích là 24.
- c) Các thừa số là 10 và 8, tích là 80.
- d) Các thừa số là 5 và 5, tích là 25.

131. Em hãy tự lập bảng nhân 2 theo mẫu:

$$2 = 2 \times 1 = 2$$

$$2 + 2 = 2 \times 2 = 4$$

$$2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = \dots \times \dots = \dots$$

132. Theo mẫu bài 131, em hãy lập các bảng nhân: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

133. Thực hiện các phép tính sau:

$\begin{array}{r} 2 \\ \times 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ \times 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ \times 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ \times 5 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--	--	--	--	--

134. Viết phép tính rồi tính tích:

6×3	2×8	9×3	8×3
5×7	6×2	3×7	7×7
4×9	7×4	6×8	6×6

135. Nhà Tý nuôi 2 con mèo và 6 con gà. Hỏi có tất cả bao nhiêu chân mèo và gà?

136. Lớp 2B kê 10 bàn. Mỗi bàn có 3 học sinh học. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh?

137. Ở một phòng ăn kê 8 bàn. Mỗi bàn có 6 người ngồi ăn. Hỏi trong phòng ăn có bao nhiêu người ăn?

138. Cửa hàng xăng dầu bán xăng cho 9 xe máy. Mỗi xe máy mua 3l xăng. Hỏi cửa hàng bán được bao nhiêu lít xăng?

139. Mỗi buổi học, một học sinh mang đi 5 quyển sách. Hỏi 10 học sinh mang đi bao nhiêu quyển sách?

140. Viết các phép cộng sau thành phép nhân:

$$\begin{array}{l} 3 + 3 + 3 + 3 + 3 \\ 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 \\ \hline 8 + 8 + \dots + 8 \\ \text{Có 9 số hạng} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \underbrace{a + a + \dots + a}_{\text{Có 7 số hạng}} \\ \underbrace{b + b + \dots + b}_{\text{Có n số hạng}} \end{array}$$

141. $\left[\begin{array}{l} > \\ = \\ < \end{array} \right]$ $\begin{array}{ll} 2 \times 6 & \square \quad 4 \times 3 \\ 5 \times 8 & \square \quad 4 \times 10 \\ 6 \times 6 & \square \quad 5 \times 8 \end{array}$

$$\begin{array}{ll} 7 \times 9 & \square \quad 9 \times 7 \\ 8 \times 4 & \square \quad 5 \times 7 \\ 10 \times 5 & \square \quad 5 \times 9 \end{array}$$

142. Tính

$6 \times 8 - 40$

$7 \times 5 + 5$

$5 \times 4 + 30$

$7 \times 3 + 9$

$9 \times 9 + 1$

$6 \times 8 + 2$

$6 \times 5 - 30$

$9 \times 10 + 10$

$7 \times 10 + 30$

143. Từ phép nhân: $3 \times 4 = 12$ ta viết được hai phép chia:

$12 : 3 = 4 \quad \text{và} \quad 12 : 4 = 3$

Hãy viết mỗi phép nhân sau thành hai phép chia:

$2 \times 5 = 10$

$4 \times 6 = 24$

$7 \times 6 = 42$

$3 \times 8 = 24$

$2 \times 9 = 18$

$8 \times 9 = 72$

$5 \times 7 = 35$

$7 \times 3 = 21$

$10 \times 8 = 80$

144. Đàn gà đang ăn ở sân. Tùng đếm thấy có 20 chân gà. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con?

145. Từ bảng nhân 2 ta lập được bảng chia 2 dưới đây:

$2 \times 1 = 2$

$2 : 2 = 1$

$2 \times 2 = 4$

$4 : 2 = 2$

$2 \times 3 = 6$

$6 : 2 = 3$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

Em hãy dùng các bảng nhân:
3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 để lập
thành các bảng chia: 3, 4, 5, 6,
7, 8, 9, 10

$$\begin{array}{ll} 2 \times 9 = 18 & 18 : 2 = 9 \\ 2 \times 10 = 20 & 20 : 2 = 10 \end{array}$$

146. $\begin{array}{|c|} \hline < \\ \hline \\ \hline = \\ \hline \\ \hline > \\ \hline \end{array}$

$16 : 2$	☐	$40 : 5$	$81 : 9$	☐	$20 : 2$
$21 : 3$	☐	$21 : 7$	$36 : 6$	☐	$12 : 2$
$20 : 5$	☐	$12 : 3$	$49 : 7$	☐	$21 : 3$
$24 : 8$	☐	$24 : 3$	$64 : 8$	☐	$72 : 9$
$30 : 6$	☐	$25 : 5$	$100 : 10$	☐	$30 : 3$

147. Viết các phép chia rồi tính thương, biết các số bị chia và số chia lần lượt là:

12 và 6	24 và 3	63 và 9	9 và 9
4 và 1	35 và 5	27 và 3	8 và 8
5 và 5	40 và 8	42 và 6	7 và 1

148. a) $\frac{1}{2}$ của 6 là bao nhiêu?

b) $\frac{1}{3}$ của 12 là bao nhiêu?

c) $\frac{1}{5}$ của 30 là bao nhiêu?

149. a) Muốn tìm một thừa số ta làm thế nào?

b) Muốn tìm số chia ta làm thế nào?

c) Nêu cách tìm số bị chia.

150. Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống:

Số bị chia	Số chia	Thương
27	9	
15		5
	6	7
45		9
	8	4

151. Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	Thừa số	Tích
7	8	
	6	54
8		64
	4	32

152. Lớp 2A tập thể dục. Lớp xếp thành 4 hàng mỗi hàng có 8 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh tập thể dục?

153. Trên sân có 8 hàng học sinh. Mỗi hàng có 9 học sinh. Hỏi trên sân có bao nhiêu học sinh?

154. Lớp 2B trồng được 40 cây hoa. Số cây hoa chia thành 8 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu cây hoa?

155. Có 45 cái kẹo chia đều cho 9 em bé. Mỗi em bé được mấy cái kẹo?

156. Có 48 cái kẹo đem chia đều cho các em bé. Mỗi em bé được 6 cái kẹo. Hỏi có mấy em bé được chia kẹo?

157. Có 28 cái kẹo chia cho các em bé. Mỗi em được $\frac{1}{4}$ số kẹo đó.

Hỏi: a) Có mấy em được chia kẹo?

b) Mỗi em được mấy cái kẹo?

Giờ, phút

158. a) Một giờ có bao nhiêu phút?

b) Trên mặt đồng hồ có bao nhiêu số?

c) Kim phút chuyển dịch từ số 12 đến số 3 thì thời gian chuyển dịch là bao nhiêu phút?

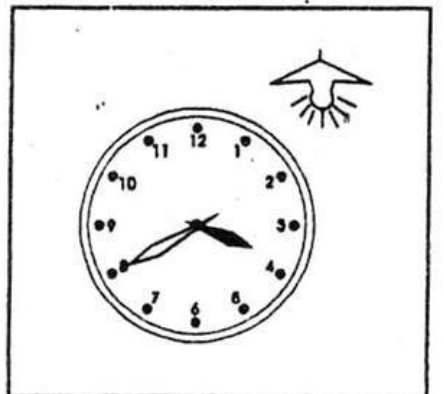
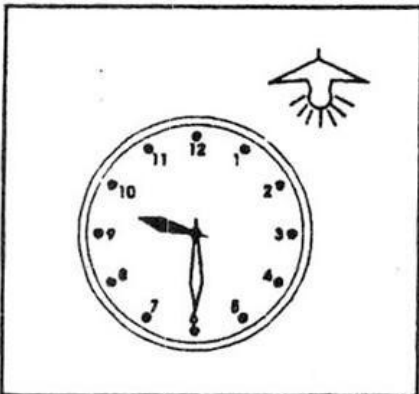
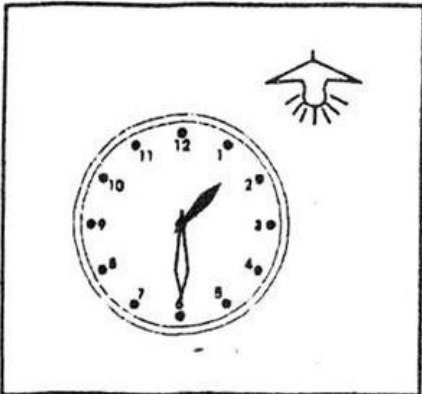
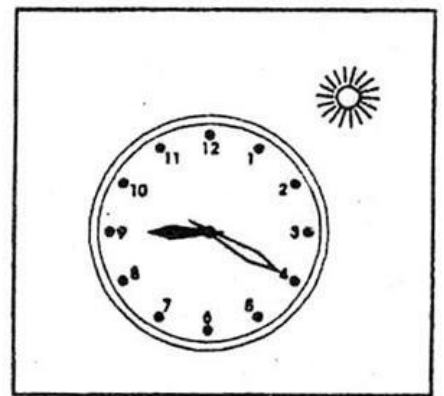
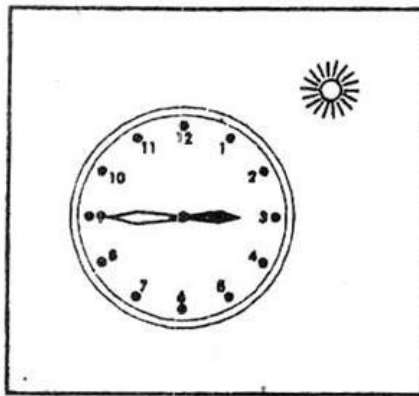
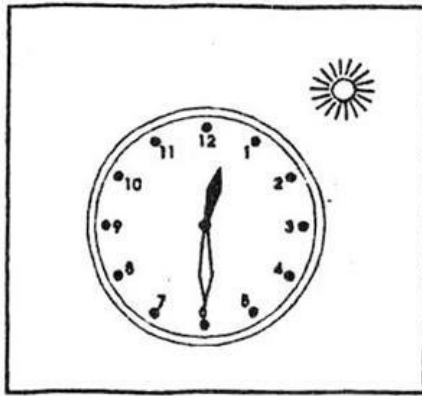
159. a) Lúc 8 giờ 30 phút còn gọi là 8 giờ.....

b) Kim phút chuyển dịch từ số 12 đến số 6 mất bao nhiêu phút?

c) Kim phút chuyển dịch từ số 2 đến số 6 mất bao nhiêu phút.

160. Lúc kim giờ chỉ gần số 6, kim phút chỉ số 3 ta nói: Đã..... giờ..... phút.

161. Đọc thời gian (điểm) trên mỗi đồng hồ sau, (kim giờ)



Đường gấp khúc - Độ dài đường gấp khúc

www.sachgiai.com

162. Nối các điểm để được đường gấp khúc:

a) Hai đoạn thẳng

- Có mấy cách nối khác nhau?

• B

• C

A •

b) Ba đoạn thẳng.

- Có mấy cách nối khác nhau

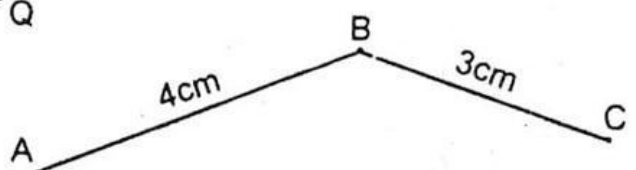
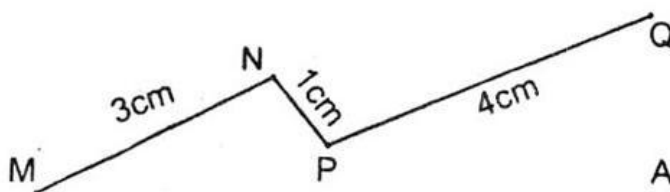
A •

• B

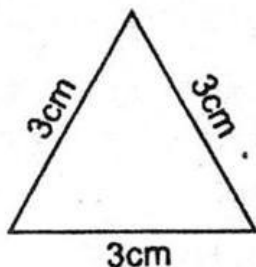
C •

• D

163. Tính độ dài các đường gấp khúc:

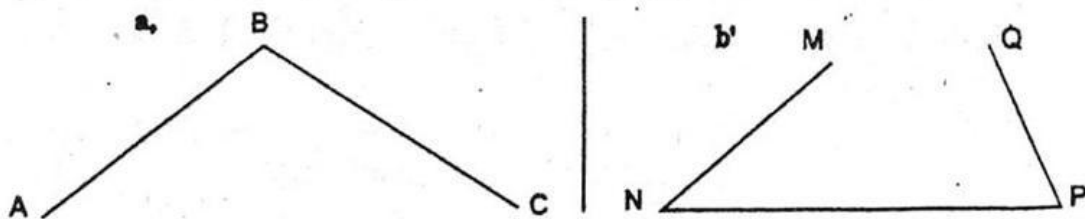


164.

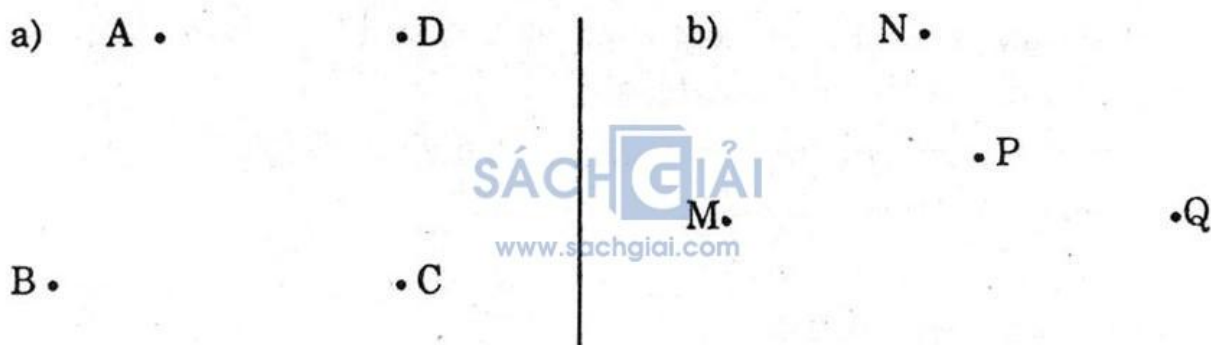


Tý lấy 1 đoạn dây nhôm uốn thành một hình tam giác như hình bên. Đoạn dây nhôm đó dài bao nhiêu centimet?

165. Đọc tên các đoạn thẳng ở mỗi đường gấp khúc sau:



166. a) Nối các điểm để được đường gấp khúc có 3 đoạn thẳng.
b) Mỗi trường hợp có mấy cách nối để được đường gấp khúc khác nhau.
c) Đọc tên các đoạn thẳng ở mỗi hình.



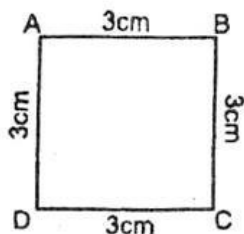
Chu vi hình tam giác – Chu vi hình tứ giác

167. a) Muốn tính chu vi của một hình tam giác ta làm thế nào?
b) Muốn tính chu vi của một hình tứ giác ta làm thế nào?

168. Tính chu vi mỗi hình tam giác biết:

Độ dài cạnh thứ nhất	Độ dài cạnh thứ hai	Độ dài cạnh thứ ba
a) 4 cm	5cm	6cm
b) 6dm	7dm	9dm
c) 20 cm	30cm	40cm
d) 16 cm	19cm	21cm

169.



a) Tính chu vi hình tứ giác bên.

b) Em có thể tính nhanh chu vi hình tứ giác bên được không? Nếu tính được thì tính như thế nào?

170. a) Kết quả phép nhân một số với 1 thì như thế nào?

b) Số 1 nhân với một số kết quả sẽ như thế nào?

c) Một số nào đó chia cho 1 thì thương như thế nào?

171. Tính:

$$1 \times a =$$

$$c : 1 =$$

$$a \times ? = a$$

$$d : ? = d$$

$$b \times 1 =$$

$$n : 1 =$$

$$? \times b = b$$

$$n : ? = n$$

172. Tính :

$$0 \times 6$$

$$15 \times 0$$

$$0 : 3$$

$$0 : 9$$

$$12 \times 0$$

$$0 \times 18$$

$$0 : 5$$

$$0 : 6$$

173. Hoà làm phép nhân có một thừa số là 9, tích là 0. Vậy thừa số kia trong phép nhân của Hoà là bao nhiêu?

174. Hoà làm phép chia có số chia là 7, thương là 0. Vậy số bị chia trong phép chia Hoà làm là bao nhiêu?

5- Các số trong phạm vi 1000

175. a) Một chục bằng mấy đơn vị?

b) Mấy chục bằng một trăm?

c) Một nghìn bằng mấy trăm?

d) Viết các số tròn trăm đến 1000.

176. a) Đọc các số sau: 100; 300; 500; 200; 900; 1000.

b) Sắp xếp các số sau theo trật tự từ nhỏ đến lớn:

1000; 300; 900; 100; 200; 400; 700; 500; 600; 800.

177. Viết các số sau:

a) Ba trăm

d) Bốn trăm

b) Sáu trăm

e) Tám trăm

c) Năm trăm

g) Một nghìn.

- 178.** a) Số tròn trăm nhỏ nhất là số nào?
b) Số tròn trăm lớn nhất và nhỏ hơn một nghìn là số nào?
c) Viết các số tròn trăm nhưng nhỏ hơn một nghìn theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.

179. a) Đọc các số sau:

110; 150; 180; 170; 190.

b) Viết các số tròn chục trong phạm vi từ 100 đến 200 theo trật tự từ nhỏ đến lớn.

c) Viết các số tròn chục trong phạm vi từ 200 đến 300 theo trật tự từ lớn đến nhỏ.

180. a) Đọc các số sau:

106; 207; 301; 408; 602; 803; 909; 704; 605.

b) Sắp xếp các số ở câu a theo trật tự từ nhỏ đến lớn. Sắp xếp thế nào thì nhanh nhất?

c) Sắp xếp các số ở câu a theo trật tự từ lớn đến nhỏ. Sắp xếp thế nào thì nhanh nhất?

181. a) Đọc các số sau:

111, 112, 113, 119, 116, 117, 115, 118, 114.

b) Sắp xếp các số ở câu a theo trật tự từ nhỏ đến lớn.

c) Sắp xếp các số ở câu a theo trật tự từ lớn đến nhỏ. Sắp xếp thế nào để làm nhanh nhất?

182. a) Đọc các số sau:

118; 122; 123; 136; 148; 147; 169; 191; 182; 178.

b) Sắp xếp các số ở câu a theo trật tự từ nhỏ đến lớn.

c) Viết các số sau:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| – Một trăm linh chín | – Một trăm mười một |
| – Một trăm hai mươi ba | – Một trăm hai mươi hai |
| – Một trăm tám mươi một | – Một trăm tám mươi tám |
| – Một trăm bảy mươi bảy | – Một trăm chín mươi chín. |

183. a) Số 679 có mấy hàng là những hàng nào?

b) Viết theo mẫu:

Số	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Đọc là
249	2	4	9	Hai trăm bốn mươi chín
365				
444				
111				
507				
608				

184. Viết các số:

- Một trăm mười
- Hai trăm linh tám
- Hai trăm sáu mươi
- Chín trăm chín mươi chín
- Ba trăm linh bảy
- Bốn trăm tám mươi
- Năm trăm năm mươi
- Bốn trăm bốn mươi bốn.

185.

>
=
<

a) 135 402 432 406
 617 536 567 580
 888 777 993 996
 808 900 772 771

- b) Nếu hai số khác hàng trăm thì số nào lớn hơn?
- c) Nếu hai số có hàng trăm giống nhau, hàng chục khác nhau thì số nào nhỏ hơn?
- d) Nếu hai số có cùng hàng trăm, cùng hàng chục thì số nào lớn hơn?
- e) Cho hai số có cùng hàng trăm, cùng hàng chục, cùng hàng đơn vị thì điền dấu gì vào giữa hai số đó?

186.

>
=
<

$\overline{9ab}$ $\overline{8ba}$ $\overline{9a8}$ $\overline{9a7}$
 $\overline{6ba}$ $\overline{7ba}$ $\overline{abc}$ $\overline{abc}$
 $\overline{96a}$ $\overline{96a}$ $\overline{acb}$ $\overline{acb}$

Mét, Ki-lô-mét

187. Mét là một đơn vị đo độ dài. Mét viết tắt là m.

$$1\text{m} = 10\text{dm} ; 1\text{m} = 100\text{cm}$$

a) $1\text{dm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$\dots\dots\dots \text{cm} = 1\text{m}$

$1\text{m} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$\dots\dots\dots \text{cm} = 1\text{dm}$

b) Cây thiết mộc lan cao 3m, cây cau cao hơn cây thiết mộc lan 6m. Hỏi cây cau cao bao nhiêu mét.

188. Để đo các độ dài lớn (chẳng hạn để đo quãng đường giữa hai tỉnh) ta dùng đơn vị ki-lô-mét.

ki-lô-mét viết tắt là km.

$1\text{km} = 1000\text{m}$.

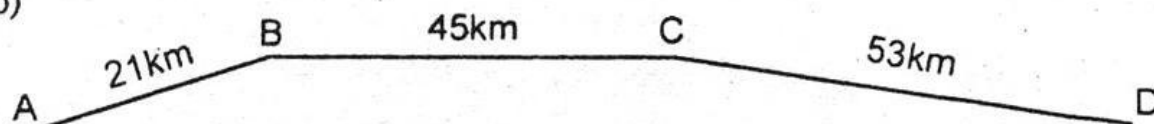
a) $2\text{km} = \dots\dots\dots \text{m}$

$\dots\dots\dots \text{m} = 1\text{km}$

$\dots\dots\dots \text{m} = 2\text{km}$

$\dots\dots\dots \text{cm} = 1\text{m}$

b)



- Đoạn đường từ A đến C dài bao nhiêu ki-lô-mét?

- Đoạn đường từ B đến D dài bao nhiêu ki-lô-mét?

- Đoạn đường từ A đến D dài bao nhiêu ki-lô-mét?

189. Đường Hà Nội Cao Bằng dài 272km. Đường Hà Nội Hải Phòng dài 102km. Hỏi:

a) Cao Bằng và Hải Phòng nơi nào gần Hà Nội?

b) Gần hơn bao nhiêu ki-lô-mét?

Mi-li-mét

Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài.

Mi-li-mét viết tắt là mm.

$1\text{cm} = 10\text{mm}$; $1\text{dm} = 100\text{mm}$; $1\text{m} = 1000\text{mm}$.

190. $5\text{cm} = \dots\dots\dots \text{mm}$;

$400\text{mm} = \dots\dots\dots \text{dm}$;

$40\text{mm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

$1\text{m} = \dots\dots\dots \text{mm}$;

$600\text{mm} = \dots\dots\dots \text{dm}$;

$\dots\dots\dots \text{mm} = 1\text{m}$

191. Tính:

$15\text{m} + 32\text{m}$

$73\text{mm} + 16\text{mm}$

$6\text{km} \times 2$

$46\text{cm} + 23\text{cm}$

$36\text{km} + 33\text{km}$

$18\text{mm} : 3$

$19\text{km} + 41\text{km}$

$100\text{mm} + 400\text{mm}$

$45\text{mm} : 5$

Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000

192. Tính:

$$235 + 162 \quad 604 + 382 \quad 878 + 110$$

$$637 + 241 \quad 219 + 400 \quad 565 + 403$$

193. Tính nhẩm:

$$300 + 400 \quad 300 + 500 \quad 500 + 500$$

$$600 + 200 \quad 700 + 100 \quad 600 + 400$$

Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000

194. Tính:

$$675 - 432 \quad 844 - 603 \quad 435 - 121$$

$$999 - 777 \quad 928 - 706 \quad 386 - 186$$

195. Tính nhẩm:

$$600 - 400 \quad 800 - 600 \quad 1000 - 200$$

$$700 - 300 \quad 1000 - 800 \quad 1000 - 900$$

196. Đàn vịt có 857 con. Đàn gà có 643 con. Đàn vịt có nhiều hơn đàn gà bao nhiêu con?

197. Đàn vịt có 987 con. Đàn vịt nhiều hơn đàn gà 136 con. Đàn gà có bao nhiêu con?

198. Đường Hà Nội đi Vinh dài 289km. Đường Hà Nội đi Lạng Sơn dài 154km. Đường Hà Nội đi Vinh dài hơn đường Hà Nội đi Lạng Sơn bao nhiêu kilômét?

199. Viết số thích hợp vào ô trống

Số bị trừ	673		987		876	
Số trừ	241	136		247		324
Hiệu		413	345	612	564	462

200. Trường tiểu học Lương Thế Vinh có 948 học sinh. Trường tiểu học Lương Thế Vinh có nhiều hơn trường tiểu học Phan Văn Lan 136 học sinh. Hỏi trường tiểu học Phan Văn Lan có bao nhiêu học sinh?

201. Nhà Hoa cắt 824 quả cam sành. Số cam đường ít hơn số cam sành 103 quả. Hỏi nhà Hoa cắt bao nhiêu quả cam đường?

Tiền Việt nam

- 202.** a) Một tờ giấy bạc loại 200 đồng đổi được mấy tờ loại 100 đồng?
b) Một tờ giấy bạc loại 500 đồng đổi được mấy tờ loại 100 đồng?
c) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được mấy tờ loại 100 đồng?
d) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được mấy tờ loại 200 đồng?
e) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được mấy tờ loại 500 đồng?

203. Hùng có một tờ giấy bạc loại 100 đồng, một tờ giấy bạc loại 200 đồng, một tờ giấy bạc loại 500 đồng. Hỏi Hùng có tất cả bao nhiêu đồng?

204. Hùng mua một mớ rau thơm giá 200 đồng. Hùng trả nhà hàng bằng loại giấy bạc 100 đồng. Hỏi Hùng phải đưa trả mấy tờ loại 100 đồng?

205. Một người mua mớ rau thơm giá 200 đồng. Người đó đưa trả nhà hàng một tờ 500 đồng. Nhà hàng trả lại người đó bao nhiêu tiền? Có mấy cách trả?

206. Một người mua một mớ rau giá 500 đồng. Người đó đưa trả nhà hàng một tờ giấy bạc 1000 đồng. Hỏi:

- a) Nhà hàng phải đưa lại người đó bao nhiêu tiền?
b) Nhà hàng có mấy cách trả lại người mua?

207. Đổi một tờ giấy bạc loại 1000 đồng ra giấy bạc nhỏ hơn. Hỏi có thể đổi ra các loại tiền nào và mỗi loại bao nhiêu tờ?

6- Ôn tập cuối năm

Ôn tập về các số trong phạm vi 1000

208. a) Đọc các số sau:

327; 402; 618 ; 890; 999.

b) Viết các số:

- Tròn trăm tới 1000 theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.
- Bốn trăm linh bảy.

- Năm trăm mười ba.
- Năm trăm năm mươi.
- Sáu trăm tám mươi chín.

209. Số tròn trăm nhỏ nhất là số nào?

- Số tròn trăm lớn nhất (nhỏ hơn 1000) là số nào?
- Số có ba chữ số gồm những hàng nào?

210. Số nhỏ nhất có 3 chữ số là số nào?

- Số lớn nhất có 3 chữ số là số nào?
- Số nhỏ nhất có 2 chữ số là số nào?
- Số lớn nhất có 2 chữ số là số nào?
- Số nhỏ nhất có 1 chữ số là số nào?
- Số lớn nhất có 1 chữ số là số nào?
- Số liền sau số 999 là số nào?
- Số liền trước số 999 là số nào?

211. a) Viết các số : 732; 418; 905; 620; 777; theo mẫu:

$$732 = 700 + 30 + 2$$

b) Viết theo mẫu:

$$300 + 70 + 4 = 374$$

$$800 + 30 =$$

$$600 + 50 + 6 =$$

$$400 + 40 + 4 =$$

$$200 + 2 =$$

$$900 + 90 + 9 =$$

212. a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ nhỏ đến lớn:

638; 907; 815; 236; 473; 518;

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:

100; 106; 206; 803; 915; 317; 936; 812; 809.

213.

$\begin{matrix} > \\ = \\ < \end{matrix}$	613 821	817 866	996 969
	407 399	712 704	473 470
	613 620	718 713	321 328

214. Nêu cách điền dấu nhanh ở bài 213.

215. Tính nhẩm:

a) $20 + 70 =$	b) $300 + 200 =$	c) $90 - 70 =$	d) $900 - 400 =$
$40 + 60 =$	$600 + 400 =$	$60 - 40 =$	$600 - 500 =$
$50 + 50 =$	$800 + 100 =$	$80 - 30 =$	$700 - 300 =$

- 216.** a) Viết hai phép trừ có hiệu số bằng số bị trừ.
 b) Viết hai phép cộng có tổng số bằng một số hạng.
 c) Viết hai phép nhân có tích số bằng 0.
 d) Viết hai phép nhân có tích số bằng một thừa số.
 e) Viết hai phép chia có thương bằng số bị chia.
 g) Viết hai phép chia có thương bằng 0.

217. Muốn tìm một số hạng của tổng ta làm thế nào?

- Muốn tìm số trừ ta làm thế nào?
- Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?

218. Tính:

$63 + \dots = 63$	$73 - \dots = 73$	$96 - \dots = 37$
$\dots + 75 = 75$	$700 - \dots = 700$	$84 - \dots = 21$

219. Tính :

$\dots - 36 = 42$	$800 - \dots = 300$	$6 \times 1 =$
$\dots - 53 = 15$	$700 - \dots = 100$	$9 \times 1 =$

220. Tính:

$6 \times \dots = 0$	$8 : \dots = 8$	$6 \times 7 =$	$4 \times 2 =$
$8 \times \dots = 0$	$7 : \dots = 7$	$9 \times 5 =$	$8 \times 9 =$
$7 \times \dots = 7$	$\dots : 6 = 0$	$8 \times 8 =$	$9 \times 9 =$
$9 \times \dots = 9$	$\dots : 8 = 0$	$7 \times 7 =$	$7 \times 8 =$

221. Vườn trường có 134 cây hoa hồng, 643 cây hoa cúc. Hỏi vườn có bao nhiêu cây hoa vừa hồng vừa cúc?

222. Bể thứ nhất chứa được 1000l nước. Bể thứ hai chứa được 500l nước. Hỏi bể thứ nhất chứa hơn bể thứ hai bao nhiêu lít nước?

223. Ngày thứ bảy chúng em làm vệ sinh được đoạn đường dài 466m. Ngày chủ nhật chúng em làm vệ sinh nốt đoạn đường còn lại dài 315m. Hỏi:

a) Ngày thứ bảy chúng em làm nhiều hơn ngày chủ nhật bao nhiêu mét đường?

b) Cả hai ngày chúng em làm vệ sinh được đoạn đường dài bao nhiêu mét?

224. Tính:

$$x - 427 = 361$$

$$672 + x = 999$$

$$x - 364 = 435$$

$$679 - x = 536$$

$$6x + 375 = 898$$

$$827 - x = 415$$

225. Tính:

$$12 : 2$$

$$18 : 2$$

$$24 : 3$$

$$36 : 4$$

$$12 : 3$$

$$18 : 3$$

$$24 : 4$$

$$36 : 6$$

$$12 : 4$$

$$18 : 6$$

$$24 : 6$$

$$36 : 9$$

$$12 : 6$$

$$18 : 9$$

$$24 : 8$$

$$35 : 7$$

226. Lớp 2B có 24 học sinh xếp thành 3 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

227. Có 45 quả cam chia đều xếp vào 5 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu quả cam?

228. Đông có số bi bằng số lớn nhất có một chữ số. Nam có số bi bằng số nhỏ nhất có hai chữ số. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu hòn bi?

229. Tùng có số con tem bằng số liền sau số 99. Toàn có số con tem bằng số nhỏ nhất có ba chữ số. Tùng và Toàn ai có nhiều tem hơn?

230. Tính:

$$3 \times 2 \times 4 =$$

$$40 : 4 : 2 =$$

$$7 \times 8 - 6 =$$

$$3 \times 3 \times 7 =$$

$$60 : 10 : 2 =$$

$$8 \times 9 - 12 =$$

231. Hoa có 40 con tem. Hoa cho bạn $\frac{1}{4}$ số con tem. Hỏi:

a) Hoa cho bạn bao nhiêu con tem?

b) Hoa còn lại bao nhiêu con tem?

232. Số điểm mười của Đào là số có một chữ số. Số điểm mười của Mạnh là số có hai chữ số. Tổng số điểm mười của hai bạn là một số lớn hơn 18 nhưng nhỏ hơn 20. Hỏi mỗi bạn được mấy điểm mười?

233. Hai bạn Tâm và Đức đi câu. Số cá Tâm câu được bằng số tự nhiên nhỏ nhất. Tổng số cá hai bạn câu được bằng số lớn nhất có một chữ số. Hỏi mỗi bạn câu được mấy con cá?

234. Tìm số có hai chữ số có tổng các chữ số là 18 và hai chữ số của số đó giống nhau.

235. Toàn hẹn Dũng: "Mười bốn giờ hôm nay bạn sang tôi cùng học nhé". Ngủ dậy, Dũng xem đồng hồ nhưng không thấy có số 14. Em hãy giúp Dũng biết lúc đó các kim đồng hồ chỉ vào những số nào và có thể đọc là mấy giờ?

236. Lúc 6 giờ, kim ngắn chỉ vào số nào? Kim dài chỉ vào số nào? Lúc 18 giờ kim ngắn chỉ vào số nào? Kim dài chỉ vào số nào?

237. Ti vi thông báo lúc 20 giờ có trận bóng đá cúp FA. Lúc đó ta thường gọi là mấy giờ?

238. Thu mang 1000 đồng đi mua hai con tem, mỗi con tem giá 400 đồng. Hỏi nhân viên bưu điện phải trả lại Thu bao nhiêu tiền? Và có mấy cách trả lại tiền?

239. Con lợn thứ nhất nặng 118kg. Con lợn thứ hai nặng kém con lợn thứ nhất 7kg. Hỏi:

a) Con lợn thứ hai nặng bao nhiêu kilôgam?

b) Cả hai con lợn nặng bao nhiêu kilôgam?

240. Đoạn đường từ Hà Nội đi Huế dài 558 km. Đoạn đường Hà Nội đi Hải Phòng dài 102 km. Một người từ Hải Phòng về Hà Nội rồi đi Huế thì đoạn đường người đó đi dài bao nhiêu kilômét?

241. Bạn Tính viết số 609 lên một miếng bìa. Khi quay ngược miếng bìa lại Tính vẫn thấy đúng là số 609. Em có thể tìm số khác số 609 cũng có tính chất trên không? Em tìm được mấy số như thế nữa?

242. Thực hiện các phép tính sau cho nhanh và hợp lý:

$$63 + 21$$

$$63 - 27$$

$$68 - 24$$

$$49 + 36$$

$$54 - 38$$

$$77 - 35$$

$$52 + 27$$

$$91 - 37$$

$$43 - 19$$

$$38 + 44$$

$$82 - 55$$

$$29 - 12$$

$$72 + 19$$

$$74 - 49$$

$$98 - 29$$

243. Bạn Hằng viết các chữ số: 2, 3, 5, 6, 7, 8 lên sáu miếng bìa hình vuông rồi xếp thành phép tính:

$$\boxed{7} \boxed{3} - \boxed{2} \boxed{6} = \boxed{5} \boxed{8}$$

Thử, ta thấy phép trừ sai. Em hãy đổi chỗ một số ô bìa lẫn cho nhau để sửa phép tính sai thành đúng.

244. Có 6 miếng bìa ghi số được xếp thành phép cộng sai:

$$\boxed{4} \boxed{5} + \boxed{2} \boxed{9} = \boxed{7} \boxed{1}$$

a) Hãy đổi chỗ một số ô bìa lẫn cho nhau để chữa thành phép tính đúng.

b) Có cách nào chữa sai thành đúng mà không cần đổi chỗ các ô bìa không?

245. Cho bảng ô sau:

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

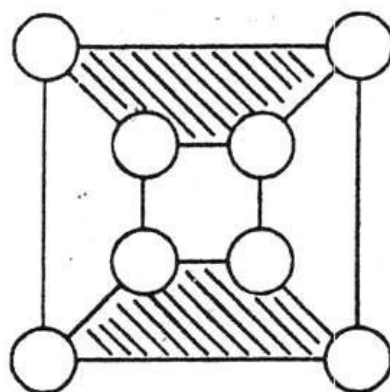
a) Cộng các số ở cột thứ nhất (tính từ trái sang phải) thì được kết quả là 34 ($1 + 6 + 11 + 16 = 34$).

Em hãy tìm cách cộng nhanh các số ở cột hai, ba, tư, năm.

b) Cộng các số ở hàng thứ nhất (tính từ trên xuống) thì được kết quả là 15. ($1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15$). Em hãy tìm cách cộng nhanh các số ở hàng hai, ba, tư.

246. Cho tám số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và hình dưới:

Hãy điền mỗi số vào một vòng tròn sao cho khi cộng 4 số trên mỗi tứ giác và hai đường chéo thì được các tổng số bằng nhau.



247. Một số nào đó (có hai hoặc ba chữ số) có hàng đơn vị là 0 thì số liền trước nó có hàng đơn vị là bao nhiêu?

Ôn tập hình học và đo lường

248. Tính:

a) $81 \times ? - 31 \times ? = 101$

b) $31 \times ? - 81 = 101$

249. Mẹ mua rau hết 800 đồng. Mẹ đưa trả nhà hàng một tờ giấy bạc. Nhà hàng trả lại mẹ hai tờ giấy bạc. Hỏi:

a) Mẹ trả nhà hàng tờ giấy bạc loại bao nhiêu đồng?

b) Nhà hàng trả lại mẹ hai tờ giấy bạc loại nào?

250. Một đoạn dây dài 15m. Muốn cắt lấy 5m mà không có thước đo thì làm thế nào cắt đúng 5m?

251. Hoà vẽ một hình tam giác. Bình vẽ thêm một nét thành ra hình có 3 hình tam giác. Em có thể vẽ như Bình được không?

252. Hoà vẽ một hình tứ giác. Hồng vẽ thêm một nét biến hình Hoà vẽ thành hình có 3 hình tứ giác. Em có thể vẽ như Hồng được không?

253. Hai người chia nhau 7 lạng thịt, một người lấy 3 lạng, một người lấy 4 lạng. Họ mượn một cái cân 2 đĩa và một quả cân 1 lạng. Họ chỉ cân một lần là xong. Em có biết họ cân như thế nào không?

254. – Ánh nói: "Hình bên có 9 hình tam giác và 9 hình tứ giác".

– Hồng nói: "Chỉ có 3 hình tam giác và hai hình tứ giác".

Bạn nào nói đúng?

255. Hãy điền số thích hợp vào ô trống sao cho tổng 3 số ở mỗi hàng ngang, cột dọc và đường chéo đều bằng 15.

256. Tính chu vi hình tam giác bên bằng cách nhanh nhất.

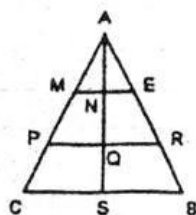
257. Tính chu vi hình tứ giác bên bằng cách nhanh nhất.

258. Hai người cùng đi từ C tới B. Người thứ nhất đi từ C tới A rồi từ A tới B. Người thứ hai đi từ C tới D, từ D tới E, từ E tới G, từ G tới H, từ H tới I, từ I tới K, từ K tới L, từ L tới B. Người nào đi đường ngắn hơn?

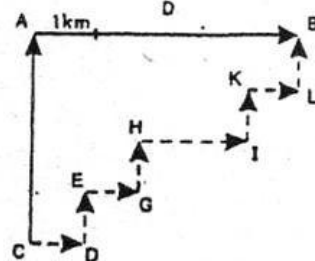
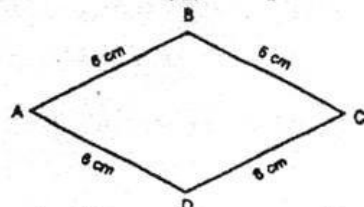
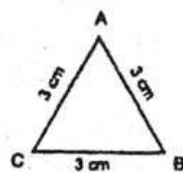
259. Bạn Hương mời bạn Thảo đến dự lễ sinh nhật. Thảo nhận lời nhưng nói thêm: "Các bạn sướng thật, năm nào cũng được kỷ niệm ngày sinh. Mình thì 4 năm mới có 1 lần kỷ niệm ngày sinh".

Vậy Thảo sinh ngày nào? tháng nào?

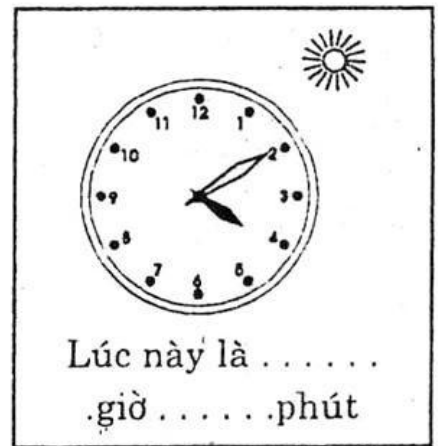
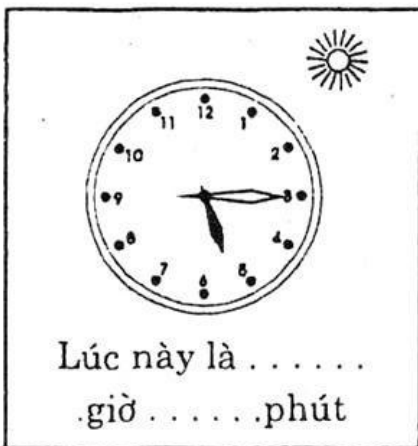
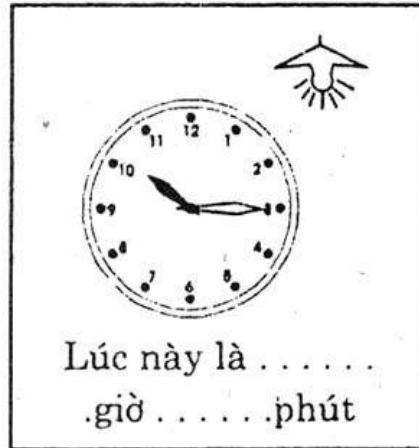
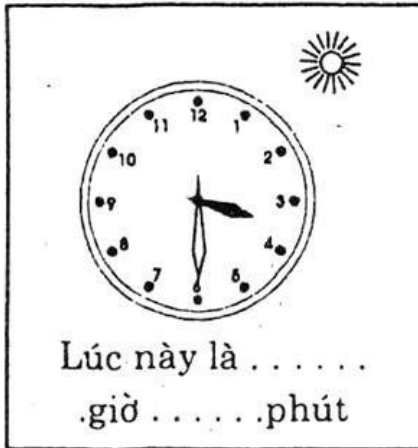
Gợi ý: có thể xem bảng số ngày trong các tháng của một năm; liên dưới đề bài số 124.



8		
	5	9



260. Điền số vào chỗ chấm cho thích hợp



261. Một tháng nào đó có ngày cuối tháng là ngày 31. Hỏi ngày cuối cùng của tháng liền sau tháng đó là ngày bao nhiêu?

(Gợi ý: Xem bảng số ngày trong các tháng trang 23).

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Ôn tập và bổ sung

Ôn tập các số đến 100

1. Các số có một chữ số là: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
2. a) Số bé nhất có một chữ số là 0 (0 cũng là số nhỏ nhất trong các số tự nhiên).
b) Số lớn nhất có một chữ số là 9.

3.

10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
40	41	42	43	44	45	46	47	48	49
50	51	52	53	54	55	56	57	58	59
60	61	62	63	64	65	66	67	68	69
70	71	72	73	74	75	76	77	78	79
80	81	82	83	84	85	86	87	88	89
90	91	92	93	94	95	96	97	98	99

4. a) Tất cả các số trong bảng đều là số có 2 chữ số.
b) Số lớn nhất là số 99.
c) Số nhỏ nhất là số 10.
d) Tất cả các số ở hàng thứ tư (tính từ trên xuống) có hàng chục là 4.

e) Tất cả các số có hàng chục là 7 nằm ở hàng thứ bảy của bảng tính từ trên xuống.

g) Số nhỏ nhất ở hàng thứ 3 tính từ trên xuống là số 30.

Số lớn nhất ở hàng thứ 3 tính từ trên xuống là số 39.

h) Các số ở hàng thứ 8 có hàng chục là 8. Số nhỏ nhất là 80. Số lớn nhất là 89.

i) Các số ở cột 1 tính từ trái sang phải có hàng đơn vị là 0.

k) Số 55 thuộc hàng thứ 5 tính từ trên xuống và thuộc cột thứ 6 tính từ trái sang phải.

l) Kẻ chéo từ số 10 xuống số 98 thì đường kẻ lần lượt đi qua các số có hàng đơn vị là :0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

m) Kẻ chéo từ số 11 xuống số 99 thì đường kẻ đi qua các số có hàng đơn vị lần lượt là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Đó cũng là các số có 2 chữ số giống nhau là: 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99.

5. a) Số liền sau của số 49 là số 50.

b) Số liền trước của số 60 là số 59.

c) Số liền trước của số 99 là số 98.

d) Số liền trước của số 100 là số 99.

6. a) Số nhỏ nhất là số 12.

b) Số lớn nhất là số 93.

c) Các số đã cho có hàng chục khác nhau nên số nào có hàng chục nhỏ nhất là số nhỏ nhất, có hàng chục lớn nhất là số lớn nhất.

7. a) Số nhỏ nhất là số 30.

b) Số lớn nhất là số 39.

c) Các số đã cho đều có hàng chục là 3 nên số nào có hàng đơn vị nhỏ nhất là số nhỏ nhất, có hàng đơn vị lớn nhất là số lớn nhất.

8. Trong mỗi hàng ở bảng số của bài 3 thì:

– Số nhỏ nhất ở mỗi hàng có hàng đơn vị là 0.

– Số lớn nhất ở mỗi hàng có hàng đơn vị là 9.

9.

a)	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	6	7	67	Sáu mươi bảy
	2	9	29	Hai mươi chín
	7	2	72	Bảy mươi hai
	9	9	99	Chín mươi chín
	9	0	90	Chín mươi (hay chín chục)

b) $67 = 60 + 7$ $99 = 90 + 9$
 $29 = 20 + 9$ $90 = 90 + 0$
 $72 = 70 + 2$

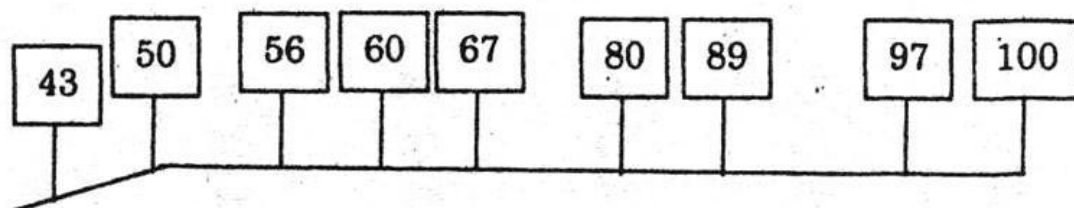
10. $64 =$ sáu chục cộng 4 $28 =$ hai chục cộng 8
 $31 =$ ba chục cộng 1 $57 =$ năm chục cộng 7
 $89 =$ tám chục cộng 9 $66 =$ sáu chục cộng 6
 $47 =$ bốn chục cộng 7 $70 =$ bảy chục (cộng 0)

11. $35 < 39$ $94 > 92$ $70 + 4 < 77$
 $81 < 86$ $45 < 54$ $40 + 6 = 46$
 $72 > 70$ $67 < 76$ $50 + 3 > 35$
 $66 = 66$ $89 < 98$ $60 + 7 < 70$

12. Nếu hai số có cùng hàng chục thì số lớn hơn có hàng đơn vị lớn hơn.
 Nếu hai số không có cùng hàng chục thì số nào có hàng chục lớn hơn thì lớn hơn.

13. a) 98, 89, 63, 42, 36, 24, 17, 13
 b) 13, 17, 24, 36, 42, 63, 89, 98

14.



15.

Số hạng	13	21	32	40	53	5	87
Số hạng	6	4	7	20	5	41	0
Tổng	19	25	39	60	58	46	87

16.

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 22 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 41 \\ + 54 \\ \hline 95 \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 15 \\ \hline 78 \end{array} \quad \begin{array}{r} 19 \\ + 70 \\ \hline 89 \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + 40 \\ \hline 67 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 61 \\ \hline 95 \end{array} \quad \begin{array}{r} 53 \\ + 26 \\ \hline 79 \end{array} \quad \begin{array}{r} 18 \\ + 71 \\ \hline 89 \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ + 32 \\ \hline 46 \end{array} \quad \begin{array}{r} 49 \\ + 50 \\ \hline 99 \end{array}$$

17.

Số bạn trai và gái ở lớp 2A là:

$$25 + 21 = 46 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : 46 bạn

18.

Số điểm cả hai ngày An đạt được là;

$$16 + 12 = 28 \text{ (điểm)}$$

Đáp số : 28 điểm

19.

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 41 \\ \hline 76 \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ + 20 \\ \hline 77 \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 50 \\ \hline 86 \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ + 18 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 49 \\ + 30 \\ \hline 79 \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ + 6 \\ \hline 48 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 22 \\ \hline 27 \end{array}$$

20. Hàng đơn vị của các số tính từ trên xuống thứ tự lần lượt là: 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0.

Các số còn lại có tổng hai chữ số là:

$$7 + 2 = 9$$

$$4 + 5 = 9$$

$$1 + 8 = 9$$

$$6 + 3 = 9$$

$$3 + 6 = 9$$

$$0 + 9 = 9$$

$$5 + 4 = 9$$

$$2 + 7 = 9$$

21.

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 43 \\ \hline 88 \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + 42 \\ \hline 69 \end{array} \quad \begin{array}{r} 33 \\ + 44 \\ \hline 77 \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \\ + 61 \\ \hline 89 \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 36 \\ \hline 99 \end{array} \quad \begin{array}{r} 25 \\ + 52 \\ \hline 77 \end{array}$$

22.

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 31 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ + 26 \\ \hline 88 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 71 \\ \hline 88 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ + 25 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 54 \\ \hline 99 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 51 \\ \hline 66 \end{array}$$

Số điền vào hai dấu chấm của mỗi phép tính giống nhau.

23. a) 10 xăng-ti-mét còn gọi là 1 đề-xi-mét

b) 1 xăng-ti-mét viết tắt là 1cm

c) 1 đề-xi-mét viết tắt là 1dm

d) 1 đề-xi-mét bằng 10 xăng-ti-mét

24. a) Đoạn thẳng AB < 1dm.

b) Đoạn thẳng CD > 1dm.

c) Đoạn thẳng AB < đoạn thẳng CD.

d) Đoạn thẳng CD > đoạn thẳng AB.

25. a) 8 xăng-ti-mét < 1 đề-xi-mét

b) 12 xăng-ti-mét > 1 đề-xi-mét

c) 1 đề-xi-mét > 9 xăng-ti-mét

d) 1 đề-xi-mét < 14 xăng-ti-mét

26. a) Đoạn thẳng AB dài 11cm

b) Đoạn thẳng CD dài 9cm

c) Đoạn thẳng MN dài 6cm

27. 10 cm = 1 dm

20 cm = 2 dm

40 cm = 4 dm

60 cm = 6 dm

50 cm = 5 dm

30 cm = 3 dm

90 cm = 9 dm

80 cm = 8 dm

28. 1 dm = 10 cm

2 dm = 20 cm

4 dm = 40 cm

5 dm = 50 cm

6 dm = 60 cm

3 dm = 30 cm

8dm = 80 cm

7 dm = 70 cm

29. 15 cm = 10 cm + 5 cm

$$\begin{aligned}
 &= 1 \text{ dm} + 5 \text{ cm} \\
 27 \text{ cm} &= 20 \text{ cm} + 7 \text{ cm} \\
 &= 2 \text{ dm} + 7 \text{ cm} \\
 77 \text{ cm} &= 70 \text{ cm} + 7 \text{ cm} \\
 &= 7 \text{ dm} + 7 \text{ cm} \\
 48 \text{ cm} &= 40 \text{ cm} + 8 \text{ cm} \\
 &= 4 \text{ dm} + 8 \text{ cm}
 \end{aligned}$$

30.

Số bị trừ	29	18	60	78	49	83	34
Số trừ	7	3	40	26	15	61	34
Hiệu	22	15	20	52	34	22	0

31.

$$\text{a) } \begin{array}{r} 65 \\ - 21 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\text{b) } \begin{array}{r} 82 \\ - 50 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\text{c) } \begin{array}{r} 70 \\ - 30 \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\text{d) } \begin{array}{r} 86 \\ - 86 \\ \hline 00 \end{array}$$

$$\text{e) } \begin{array}{r} 17 \\ - 10 \\ \hline 07 \end{array}$$

$$\text{g) } \begin{array}{r} 72 \\ + 40 \\ \hline 32 \end{array}$$

32.

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 27 \\ \hline 42 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 66 \\ \hline 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 25 \\ \hline 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 30 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93 \\ - 90 \\ \hline 03 \end{array}$$

33.

Số gà còn lại là:

$$9 - 6 = 3 \text{ (con)}$$

Đáp số: 3 con

34.

Sợi dây còn lại là:

$$27 - 15 = 12 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 12 dm

35.

$$70 - 40 - 20 = 10$$

$$60 - 10 - 30 = 20$$

$$60 - 30 - 30 = 0$$

$$19 - 10 - 9 = 0$$

$$47 - 20 - 7 = 20$$

$$84 - 60 - 4 = 20$$

36. a)

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 41 \\ \hline 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ - 70 \\ \hline 09 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 86 \\ - 55 \\ \hline 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ - 78 \\ \hline 20 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 63 \\ \hline 00 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 27 \\ \hline 00 \end{array}$$

b) Số bị trừ

số trừ

Số bị trừ

số trừ

$$63 > 41$$

$$98 > 78$$

$$79 > 70$$

$$63 = 63$$

$$86 > 55$$

$$27 = 27$$

c) Số bị trừ phải lớn hơn hoặc bằng số trừ.

37. a) 10, 20, 30, 40, 50

b) 50, 60, 70, 80, 90

c) 60, 70

38. a) Số liền sau của số 99 là số 100.

b) Số liền trước của số 1 là số 0.

c) $35 < 36$; $37 < 38$

d) $73 < 74 < 75$.

39.

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 61 \\ \hline 95 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 34 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \\ + 52 \\ \hline 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 95 \\ - 21 \\ \hline 74 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 33 \\ \hline 55 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ - 20 \\ \hline 59 \end{array}$$

40.

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 42 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 25 \\ \hline 38 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ + 0 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 10 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ + 16 \\ \hline 88 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 14 \\ \hline 28 \end{array}$$

41.

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 52 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 41 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 20 \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ - 30 \\ \hline 28 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 99 \\ - 29 \\ \hline 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 0 \\ \hline 84 \end{array}$$

42.

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 25 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 37 \\ \hline 51 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 60 \\ \hline 00 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 50 \\ \hline 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ - 16 \\ \hline 02 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ - 24 \\ \hline 25 \end{array}$$

43.

Số quả cam còn lại là:

$$87 - 45 = 42 \text{ (quả)}$$

Đáp số : 42 quả

44.

Số con vịt đem bán là :

$$50 - 10 = 40 \text{ (con)}$$

Đáp số : 40 con

45.

Số quả trứng còn lại là:

$$67 - 67 = 0 \text{ (quả)}$$

Đáp số : 0 quả (hay là: hết)

46. a) Khi số trừ là 0 thì hiệu số bằng số bị trừ.

b) Khi số bị trừ bằng số trừ thì hiệu số là 0

2- Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

47. b)

$$9 + 1 = 10$$

$$8 + 2 = 10$$

$$6 + 4 = 10$$

$$1 + 9 = 10$$

$$2 + 8 = 10$$

$$4 + 6 = 10$$

$$10 = 9 + 1$$

$$10 = 8 + 2$$

$$10 = 6 + 4$$

$$10 = 1 + 9$$

$$10 = 2 + 8$$

$$10 = 4 + 6$$

$$5 + 5 = 10$$

$$10 = 5 + 5$$

48.

$$8 + 2 + 5$$

$$1 + 9 + 8$$

$$= 10 + 5 = 15$$

$$= 10 + 8 = 18$$

$$5 + 5 + 6$$

$$3 + 7 + 8$$

$$= 10 + 6 = 16$$

$$= 10 + 8 = 18$$

$$7 + 3 + 9$$

$$5 + 5 + 4$$

$$= 10 + 9 = 19$$

$$= 10 + 4 = 14$$

$$4 + 6 + 7$$

$$9 + 1 + 6$$

$$= 10 + 7 = 17$$

$$= 10 + 6 = 16$$

49.

$\begin{array}{r} 39 \\ + 1 \\ \hline 40 \end{array}$	$\begin{array}{r} 22 \\ + 8 \\ \hline 30 \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 3 \\ \hline 50 \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ + 6 \\ \hline 70 \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 25 \\ \hline 50 \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ + 9 \\ \hline 20 \end{array}$	$\begin{array}{r} 22 \\ + 38 \\ \hline 60 \end{array}$	
$\begin{array}{r} 15 \\ + 35 \\ \hline 50 \end{array}$	$\begin{array}{r} 23 \\ + 37 \\ \hline 60 \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ + 26 \\ \hline 70 \end{array}$	$\begin{array}{r} 22 \\ + 48 \\ \hline 70 \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ + 42 \\ \hline 80 \end{array}$	$\begin{array}{r} 29 \\ + 31 \\ \hline 60 \end{array}$	$\begin{array}{r} 41 \\ + 39 \\ \hline 80 \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 63 \\ \hline 90 \end{array}$

50. $6 + 9 + 1$

$$= 6 + 10 = 16$$

$$2 + 8 + 7$$

$$= 10 + 7 = 17$$

$$6 + 5 + 5$$

$$= 6 + 10 = 16$$

$$4 + 6 + 4$$

$$= 10 + 4 = 14$$

$$5 + 7 + 3$$

$$= 5 + 10 = 15$$

$$3 + 7 + 7$$

$$= 10 + 7 = 17$$

$$2 + 6 + 4$$

$$= 2 + 10 = 12$$

$$8 + 2 + 8$$

$$= 10 + 8 = 18$$

$$1 + 9 + 1$$

$$= 10 + 1 = 11$$

$$3 + 8 + 2$$

$$= 3 + 10 = 13$$

$$9 + 1 + 9$$

$$= 10 + 9 = 19$$

$$7 + 3 + 7$$

$$= 10 + 7 = 17$$

$$6 + 4 + 6$$

$$= 10 + 6 = 16$$

$$5 + 5 + 5$$

$$= 10 + 5 = 15$$

$$2 + 8 + 2$$

$$= 10 + 2 = 12$$

51.

$\begin{array}{r} 48 \\ + 5 \\ \hline 53 \end{array}$	$\begin{array}{r} 63 \\ + 9 \\ \hline 72 \end{array}$	$\begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline 32 \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 8 \\ \hline 55 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56 \\ + 7 \\ \hline 63 \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ + 8 \\ \hline 57 \end{array}$	$\begin{array}{r} 77 \\ + 7 \\ \hline 84 \end{array}$
---	---	---	---	---	---	---

52.

$\begin{array}{r} 59 \\ + 17 \\ \hline 76 \end{array}$	$\begin{array}{r} 63 \\ + 18 \\ \hline 81 \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 45 \\ \hline 72 \end{array}$	$\begin{array}{r} 66 \\ + 28 \\ \hline 94 \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ + 29 \\ \hline 91 \end{array}$	$\begin{array}{r} 48 \\ + 25 \\ \hline 73 \end{array}$
$\begin{array}{r} 43 \\ + 38 \\ \hline 81 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ + 49 \\ \hline 64 \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ + 27 \\ \hline 92 \end{array}$			

53.

Số học sinh của cả 2 lớp là:

$$35 + 38 = 73 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 73 H.S

54.

Số vịt ở cả đàn là:

$$78 + 15 = 93 \text{ (con)}$$

Đáp số: 93 con.

55.

Số ghế ở cả hai dàn đu là:

$$30 + 45 = 75 \text{ (ghế)}$$

Đáp số: 75 ghế.

56.

$$8 + 7 > 8 + 4$$

$$9 + 3 < 4 + 9$$

$$8 + 6 = 6 + 8$$

$$9 + 2 = 2 + 9$$

$$8 + 2 < 4 + 8$$

$$9 + 2 > 1 + 9$$

$$7 + 8 = 8 + 7$$

$$4 + 7 > 7 + 1$$

$$6 + 5 = 5 + 6$$

$$6 + 8 > 8 + 3$$

57.

$$9 + 9 = 9 + 1 + 8$$

$$8 + 9 = 7 + 1 + 9$$

$$= 10 + 8 = 18$$

$$= 7 + 10 = 17$$

$$9 + 8 = 9 + 1 + 7$$

$$8 + 7 = 8 + 2 + 5$$

$$= 10 + 7 = 17$$

$$= 10 + 5 = 15$$

$$9 + 6 = 9 + 1 + 5$$

$$8 + 4 = 8 + 2 + 2$$

$$= 10 + 5 = 15$$

$$= 10 + 2 = 12$$

$$9 + 7 = 9 + 1 + 6$$

$$8 + 8 = 8 + 2 + 6$$

$$= 10 + 6 = 16$$

$$= 10 + 6 = 16$$

$$9 + 5 = 9 + 1 + 4$$

$$8 + 6 = 8 + 2 + 4$$

$$= 10 + 4 = 14$$

$$= 10 + 4 = 14$$

Phần còn lại bạn đọc tự làm

58.

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 28 \\ \hline 65 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 18 \\ \hline 85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 36 \\ \hline 85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75 \\ + 19 \\ \hline 94 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 42 \\ \hline 96 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ + 18 \\ \hline 91 \end{array}$$

59.

Cành trên: 19 quả

cành dưới: 27 quả

cả hai cành: ? quả

Số quả ở cả hai cành là:

$$19 + 27 = 46 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 46 quả

60. 2) Đoạn AB: 46 dm

Đoạn CD hơn AB: 17 dm

Đoạn thẳng CD dài là:

$$46 + 17 = 63 \text{ (dm)}$$

Đoạn CD: ? dm

Đáp số: 63 dm

3) Anh Bình: 16 tuổi

Tuổi mẹ là:

Mẹ hơn anh Bình: 27 tuổi

$$16 + 27 = 43 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ: ? tuổi

Đáp số: 43 tuổi

61.

Tuổi ông là:

$$45 + 37 = 82 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 82 tuổi

62.

$$\begin{array}{r} 4 \boxed{6} \\ + 17 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \boxed{9} \\ + 24 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ + 1 \boxed{9} \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \boxed{4}6 \\ + 3 \boxed{9} \\ \hline 85 \end{array}$$

63. Tính nhẩm:

$$30 + 25 = 30 + 20 + 5$$

$$= 50 + 5 = 55$$

$$40 + 36 = 40 + 30 + 6$$

$$= 70 + 6 = 76$$

$$50 + 28 = 50 + 20 + 8$$

$$= 70 + 8 = 78$$

$$27 + 60 = 7 + 20 + 60$$

$$= 7 + 80 = 87$$

$$19 + 70 = 9 + 10 + 70$$

$$= 9 + 80 = 89$$

$$43 + 50 = 3 + 40 + 50$$

$$= 3 + 90 = 93$$

www.sachgiai.com

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

64. b) Bố: 49 tuổi

Tuổi mẹ là:

Mẹ kém bố: 5 tuổi

$$49 - 5 = 44 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi mẹ: ? tuổi

Đáp số: 44 tuổi

65.

Cây tre ngắn dài là:

$$57 - 6 = 51 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 51 dm.

66.

Số học sinh trai ở lớp 2A là:

$$28 - 7 = 21 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 21 H.S

67.

Tuổi của em là:

$$19 - 6 = 13 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 13 tuổi.

Kilôgam

68. a) Các loại cân em đã học là:

1 – Cân hai đĩa

2 – Cân đồng hồ. (cân có kim chỉ trọng lượng hình đồng hồ)

3 – Cân bàn (loại cân đứng lên bàn cân để cân xem người nặng bao nhiêu kilôgam).

b) Muốn biết một con gà, một miếng thịt, một quả dưa hoặc một vật gì đó nặng bao nhiêu ta dùng cân để đo.

c) Đơn vị để đo khối lượng mà em đã học là kilôgam viết tắt là kg.

69. a) Sáu kilôgam viết là 6kg.

Tám kilôgam viết là 8kg.

Mười bảy kilôgam viết là 17kg.

Hai mươi lăm kilôgam viết là 25kg.

70.

$$\begin{array}{r} 16\text{kg} \\ + 8\text{kg} \\ \hline 24\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29\text{kg} \\ + 13\text{kg} \\ \hline 42\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38\text{kg} \\ + 45\text{kg} \\ \hline 83\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63\text{kg} \\ + 28\text{kg} \\ \hline 91\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 59\text{kg} \\ + 37\text{kg} \\ \hline 96\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16\text{kg} \\ + 77\text{kg} \\ \hline 93\text{kg} \end{array}$$

71. $5\text{kg} + 7\text{kg} - 2\text{kg} = 10\text{kg}$

$$17\text{kg} - 10\text{kg} + 7\text{kg} = 14\text{kg}$$

$$29\text{kg} - 9\text{kg} + 6\text{kg} = 26\text{kg}$$

$$8\text{kg} - 6\text{kg} + 7\text{kg} = 9\text{kg}$$

$$27\text{kg} - 7\text{kg} + 15\text{kg} = 35\text{kg}$$

$$23\text{kg} - 2\text{kg} + 6\text{kg} = 27\text{kg}$$

72. Số gạo còn lại là:

$$32 - 12 = 20 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 20 kg.

73. Đồng cân nặng là:

$$25 + 3 = 28 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 28 kg.

74. Gà cân nặng là :

$$5 - 2 = 3 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 3kg.

75.

$$\begin{array}{r} 39\text{kg} \\ - 17\text{kg} \\ \hline 22\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45\text{kg} \\ - 25\text{kg} \\ \hline 20\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68\text{kg} \\ - 53\text{kg} \\ \hline 15\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 99\text{kg} \\ - 77\text{kg} \\ \hline 22\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85\text{kg} \\ - 33\text{kg} \\ \hline 52\text{kg} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47\text{kg} \\ - 26\text{kg} \\ \hline 21\text{kg} \end{array}$$

76. $20 + 80$

$$= 2 \text{ chục} + 8 \text{ chục} = 10 \text{ chục}$$

$$10 \text{ chục} = 100$$

$$\text{Vậy : } 20 + 80 = 100$$

$$50 + 50$$

$$= 5 \text{ chục} + 5 \text{ chục} = 10 \text{ chục}$$

$$10 \text{ chục} = 100$$

$$\text{Vậy : } 50 + 50 = 100$$

$$10 + 90$$

$$= 1 \text{ chục} + 9 \text{ chục} = 10 \text{ chục}$$

$$10 \text{ chục} = 100$$

$$\text{Vậy : } 10 + 90 = 100$$

77.

$$\begin{array}{r} 76 \\ + 24 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ + 19 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ + 37 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 72 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ + 2 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 95 \\ \hline 100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ + 46 \\ \hline 100 \end{array}$$

78.

$$\begin{aligned} & 73 + 17 \\ & = 73 + 7 + 10 \end{aligned}$$

hoặc:

$$\begin{aligned} & 73 + 17 \\ & = 70 + 3 + 17 \end{aligned}$$

$$= 80 + 10 = 90$$

$$\text{Vậy: } 73 + 17 = 90$$

$$82 + 18$$

$$= 80 + 2 + 18$$

$$= 80 + 20 = 100$$

$$\text{Vậy: } 82 + 18 = 100$$

$$46 + 54$$

$$= 40 + 6 + 54$$

$$= 40 + 60 = 100$$

$$\text{Vậy: } 46 + 54 = 100$$

$$31 + 49$$

$$= 30 + 1 + 49$$

$$= 30 + 50 = 80$$

$$\text{Vậy: } 31 + 49 = 80$$

$$25 + 45$$

$$= 20 + 5 + 45$$

$$= 20 + 50 = 70$$

$$\text{Vậy: } 25 + 45 = 70$$

79.

$$64 + 19$$

$$= 64 + 6 + 13$$

$$= 70 + 13 = 83$$

$$\text{Vậy: } 64 + 19 = 83$$

$$57 + 25$$

$$= 57 + 3 + 22$$

$$= 60 + 22 = 82$$

$$\text{Vậy: } 57 + 25 = 82$$

$$43 + 28$$

$$= 41 + 2 + 28$$

$$= 41 + 30 = 71$$

$$\text{Vậy: } 43 + 28 = 71$$

$$= 70 + 20 = 90$$

$$\text{Vậy: } 73 + 17 = 90$$

hoặc:

$$82 + 18$$

$$= 82 + 8 + 10$$

$$= 90 + 10 = 100$$

$$\text{Vậy: } 82 + 18 = 100$$

hoặc:

$$46 + 54$$

$$= 46 + 4 + 50$$

$$= 50 + 50 = 100$$

$$\text{Vậy: } 46 + 54 = 100$$

hoặc:

$$31 + 49$$

$$= 31 + 9 + 40$$

$$= 40 + 40 = 80$$

$$\text{Vậy: } 31 + 49 = 80$$

hoặc:

$$25 + 45$$

$$= 25 + 5 + 40$$

$$= 30 + 40 = 70$$

$$\text{Vậy: } 25 + 45 = 70$$

hoặc:

$$64 + 19$$

$$= 63 + 1 + 19$$

$$= 63 + 20 = 83$$

$$\text{Vậy: } 64 + 19 = 83$$

hoặc:

$$57 + 25$$

$$= 52 + 5 + 25$$

$$= 52 + 30 = 82$$

$$\text{Vậy: } 57 + 25 = 82$$

hoặc:

$$43 + 28$$

$$= 43 + 7 + 21$$

$$= 50 + 21 = 71$$

$$\text{Vậy: } 43 + 28 = 71$$

$$\begin{aligned}
 &67 + 27 \\
 &= 67 + 3 + 24 \\
 &= 70 + 24 = 94 \\
 &\text{Vậy : } 67 + 27 = 94
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 &\text{hoặc:} \quad 67 + 27 \\
 &= 64 + 3 + 27 \\
 &= 64 + 30 = 94 \\
 &\text{Vậy: } 67 + 27 = 94
 \end{aligned}$$

Lít

80. a) 73 l đọc là: bảy mươi ba lít
 88l đọc là : tám mươi tám lít
 42l đọc là: bốn mươi hai lít
 65l đọc là: sáu mươi lăm lít
 b) Bảy mươi lăm lít viết là: 75l
 Mười chín lít viết là : 19l
 Sáu mươi tám lít viết là: 68l
 Bốn mươi bảy lít viết là: 47l
 Năm mươi hai lít viết là: 52l

81.

$$\begin{array}{r}
 38l \\
 + 19l \\
 \hline
 57l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 38 \\
 + 19 \\
 \hline
 57(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 27l \\
 + 48l \\
 \hline
 75l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 27 \\
 + 48 \\
 \hline
 75(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 63l \\
 + 17l \\
 \hline
 80l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 63 \\
 + 17 \\
 \hline
 80(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 21l \\
 + 45l \\
 \hline
 66l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 21 \\
 + 45 \\
 \hline
 66(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 83l \\
 + 12l \\
 \hline
 95l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 83 \\
 + 12 \\
 \hline
 95(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 57l \\
 + 23l \\
 \hline
 80l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 57 \\
 + 23 \\
 \hline
 80(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 64l \\
 + 18l \\
 \hline
 82l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 64 \\
 + 18 \\
 \hline
 82(l)
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 29l \\
 + 36l \\
 \hline
 65l
 \end{array}
 \quad \text{hoặc} \quad
 \begin{array}{r}
 29 \\
 + 36 \\
 \hline
 65(l)
 \end{array}$$

Còn lại bạn đọc tự làm.

82.

$$\begin{array}{r} 861 \\ - 451 \\ \hline 411 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 86 \\ - 45 \\ \hline 41(l) \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 371 \\ - 141 \\ \hline 231 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 37 \\ - 14 \\ \hline 23(l) \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 671 \\ - 251 \\ \hline 421 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 67 \\ - 25 \\ \hline 42(l) \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 391 \\ - 141 \\ \hline 251 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 39 \\ - 14 \\ \hline 25(l) \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 561 \\ - 231 \\ \hline 331 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 56 \\ - 23 \\ \hline 33(l) \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 881 \\ - 431 \\ \hline 451 \end{array} \quad \text{hoặc} \quad \begin{array}{r} 88 \\ - 43 \\ \hline 45(l) \end{array}$$

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

83. Số lít xăng còn lại là:

$$25 - 14 = 11 (l)$$

Đáp số: 11 l.

84. Số lít nước mắm bán cả hai buổi là:

$$57 + 43 = 100 (l)$$

Đáp số: 100 (l)

85. Số lít bia còn lại là:

$$47 - 35 = 12 (l)$$

Đáp số: 12 (l)

3 – Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

86. a) $x + 24 = 75$

$$x = 75 - 24$$

$$x = 51$$

$$63 + x = 89$$

$$x = 89 - 63$$

$$x = 26$$

$$42 + x = 76$$

$$x = 76 - 42$$

$$x = 34$$

$$x + 31 = 64$$

$$x = 64 - 31$$

$$x = 33$$

$$x + 42 = 99$$

$$x = 99 - 42$$

$$x = 57$$

$$57 + x = 100$$

$$x = 100 - 57$$

$$x = 43$$

b) Muốn tìm số hạng của tổng, ta lấy tổng số trừ đi số hạng đã biết.

87

Số hạng	27	29	30	83	41	43
Số hạng	36	11	65	0	31	43
Tổng	63	40	95	83	72	86

88.

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 8 \\ \hline 62 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 5 \\ \hline 65 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 12 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 16 \\ \hline 64 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 50 \\ - 13 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 42 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 27 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 29 \\ \hline 41 \end{array}$$

89.

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 8 \\ \hline 05 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 8 \\ \hline 43 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 16 \\ \hline 68 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 27 \\ \hline 38 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline 04 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 9 \\ \hline 53 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 27 \\ \hline 57 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 45 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 3 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 15 \\ \hline 58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93 \\ - 48 \\ \hline 45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 48 \\ \hline 25 \end{array}$$

$$\begin{aligned} 90. \quad 11 - 5 &= 11 - 1 - 4 \\ &= 10 - 4 = 6 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 11 - 5 = 6$$

$$\begin{aligned} 18 - 9 &= 18 - 8 - 1 \\ &= 10 - 1 = 9 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 16 - 9 &= 16 - 6 - 3 \\ &= 10 - 3 = 7 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 16 - 9 = 7$$

$$\begin{aligned} 12 - 7 &= 12 - 2 - 5 \\ &= 10 - 5 = 5 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 18 - 9 = 9$$

$$\begin{aligned} 12 - 4 &= 12 - 2 - 2 \\ &= 10 - 2 = 8 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 12 - 4 = 8$$

$$\begin{aligned} 14 - 7 &= 14 - 4 - 3 \\ &= 10 - 3 = 7 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 14 - 7 = 7$$

$$17 - 8 = 17 - 7 - 1$$

$$\text{Vậy: } 17 - 8 = 9$$

$$\begin{aligned} 14 - 9 &= 14 - 4 - 5 \\ &= 10 - 5 = 5 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 14 - 9 = 5$$

$$\text{Vậy: } 12 - 7 = 5$$

$$\begin{aligned} 13 - 7 &= 13 - 3 - 4 \\ &= 10 - 4 = 6 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 13 - 7 = 6$$

$$\begin{aligned} 15 - 9 &= 15 - 5 - 4 \\ &= 10 - 4 = 6 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 15 - 9 = 6$$

$$\begin{aligned} 13 - 8 &= 13 - 3 - 5 \\ &= 10 - 5 = 5 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy: } 13 - 8 = 5$$

91.

$\begin{array}{r} 43 \\ - 25 \\ \hline 18 \end{array}$	$\begin{array}{r} 46 \\ - 19 \\ \hline 27 \end{array}$	$\begin{array}{r} 31 \\ - 17 \\ \hline 14 \end{array}$	$\begin{array}{r} 62 \\ - 44 \\ \hline 18 \end{array}$	$\begin{array}{r} 73 \\ - 48 \\ \hline 25 \end{array}$
$\begin{array}{r} 57 \\ - 29 \\ \hline 28 \end{array}$	$\begin{array}{r} 60 \\ - 45 \\ \hline 15 \end{array}$	$\begin{array}{r} 38 \\ - 19 \\ \hline 19 \end{array}$	$\begin{array}{r} 45 \\ - 27 \\ \hline 18 \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ - 38 \\ \hline 26 \end{array}$

92. $48 - 19$

$$= 30 + 18 - 10 - 9$$

$$30 - 10 = 20$$

$$18 - 9 = 9$$

$$20 + 9 = 29$$

$$\text{Vậy: } 48 - 19 = 29$$

$$51 - 16$$

$$= 40 + 11 - 10 - 6$$

$$40 - 10 = 30$$

$$11 - 6 = 5$$

$$63 - 17$$

$$= 50 + 13 - 10 - 7$$

$$50 - 10 = 40$$

$$13 - 7 = 6$$

$$40 + 6 = 46$$

$$\text{Vậy: } 63 - 17 = 46$$

$$30 + 5 = 35$$

Vậy: $51 - 16 = 35$

93. Tuổi ông hơn tuổi bố là:

$$72 - 35 = 37 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 37 tuổi

94. Tuổi bố hơn tuổi mẹ là :

$$52 - 44 = 8 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 8 tuổi

95. Tuổi Tý kém tuổi anh là:

$$17 - 9 = 8 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 8 tuổi

96. Số học sinh nam ở lớp 2A là:

$$32 - 18 = 14 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 14 học sinh.

97. a) $x + 17 = 42$

$$x = 42 - 17$$

$$x = 25$$

$$19 + x = 53$$

$$x = 53 - 19$$

$$x = 34$$

$$29 + x = 94$$

$$x = 94 - 29$$

$$x = 65$$

$$27 + x = 66$$

$$x = 66 - 27$$

$$x = 39$$

b) $x + 28 = 64$

$$x = 64 - 28$$

$$x = 36$$

$$x + 78 = 93$$

$$x = 93 - 78$$

$$x = 15$$

98.

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 27 \\ \hline 26 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 26 \\ \hline 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ - 16 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 36 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 16 \\ \hline 20 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 16 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 38 \\ \hline 24 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ - 24 \\ \hline 14 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ - 14 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93 \\ - 48 \\ \hline 45 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ - 45 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ - 3 \\ \hline 42 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 29 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ - 44 \\ \hline -15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ - -15 \\ \hline 59 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 49 \\ \hline 29 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ - 29 \\ \hline 20 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ - 20 \\ \hline 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 38 \\ \hline 08 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ - 08 \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 08 \\ - 30 \\ \hline -22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 55 \\ - 30 \\ \hline 25 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 30 \\ - 25 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ - 5 \\ \hline 20 \end{array}$$

99. Số lít dầu ở thùng thứ hai là:

$$95 - 48 = 47 \text{ (l)}$$

Đáp số: 47l

100. Tuổi anh là $84 - 58 = 26$ (tuổi)

Đáp số: 26 tuổi

101. Số còn lại là:

$$83 - 37 = 46$$

Đáp số: 46

102. Số vịt cái trong đàn là:

$$92 - 17 = 75 \text{ (con)}$$

Đáp số: 75 con

103. Tấm vải trắng dài là:

$$43 - 17 = 26 \text{ (m)}$$

Đáp số: 26m

104. a) $64 - x = 19$

$$x = 64 - 19 = 45$$

Vậy: $x = 45$

$$45 - x = 18$$

$$x = 45 - 18 = 27$$

Vậy: $x = 27$

$$75 - x = 38$$

$$x = 75 - 38 = 37$$

Vậy: $x = 37$

$$81 - x = 37$$

$$x = 81 - 37 = 44$$

Vậy: $x = 44$

$$82 - x = 66$$

$$x = 82 - 66 = 16$$

Vậy: $x = 16$

$$45 - x = 28$$

$$x = 45 - 28 = 17$$

Vậy: $x = 17$

b) Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu số.

105. a) $x - 25 = 47$

$$x = 47 + 25 = 72$$

Vậy: $x = 72$

$$x - 19 = 27$$

$$x = 27 + 19 = 46$$

Vậy: $x = 46$

$$x - 43 = 19$$

$$x = 19 + 43 = 62$$

Vậy: $x = 62$

$$x - 58 = 27$$

$$x = 27 + 58 = 85$$

Vậy: $x = 85$

$$x - 63 = 26$$

$$x = 26 + 63 = 89$$

$$\text{Vậy: } x = 89$$

$$x - 67 = 29$$

$$x = 29 + 67 = 96$$

$$\text{Vậy: } x = 96$$

b) Muốn tìm số bị trừ ta lấy số trừ cộng với hiệu số:

106. $42 + 53 - 39$

$$= 95 - 39 = 56$$

$$\text{Vậy: } 42 + 53 - 39 = 56$$

$$19 + 42 - 60$$

$$= 61 - 60 = 1$$

$$\text{Vậy: } 19 + 42 - 60 = 1$$

$$36 + 45 - 67$$

$$= 81 - 67 = 14$$

$$\text{Vậy: } 36 + 45 - 67 = 14$$

$$37 + 28 - 49$$

$$= 65 - 49 = 16$$

$$\text{Vậy: } 37 + 28 - 49 = 16$$

$$46 + 39 - 58$$

$$= 85 - 58 = 27$$

$$\text{Vậy: } 46 + 39 - 58 = 27$$

$$12 + 63 - 74$$

$$= 75 - 74 = 1$$

$$\text{Vậy: } 12 + 63 - 74 = 1$$

107. Số lít dầu ở thùng bé là:

$$63 - 17 = 46 \text{ (l)}$$

Đáp số: 46 l

108. Số đường ở thùng to là:

$$35 + 19 = 54 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 54 kg

109. Tấm vải dài là:

$$36 + 9 = 45 \text{ (m)}$$

Đáp số: 45 m

110.

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 6 \\ \hline 94 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 4 \\ \hline 96 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 15 \\ \hline 85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 79 \\ \hline 21 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 17 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 39 \\ \hline 61 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 42 \\ \hline 58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 95 \\ \hline 05 \end{array}$$

111. Các điểm thẳng hàng là:

a) A, B, C

b) M, E, P, D

D, E, G

Q, O, E, N

P, Q, M

A, D, P

B, E, Q

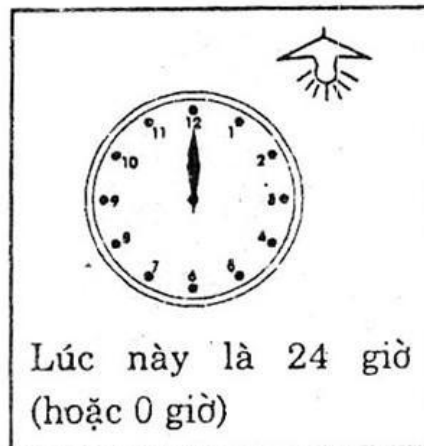
C, G, M

A, E, M

D, E, C

Ngày giờ.

112.



113. Lúc 20 giờ thì đồng hồ chỉ 8 giờ (tối).

(Ta lấy 20 trừ 12 thì được 8).

114. Lúc đó là 19 giờ trong ngày.

(Ta lấy 7 cộng với 12 thì được kết quả là 19).

115. Lúc kết thúc ngày là lúc 24 giờ nên đồng hồ chỉ vào 12 giờ đêm.

(Ta lấy 24 trừ đi 12 được 12)

116. Lúc 3 giờ chiều là lúc 15 giờ trong ngày vì $3 + 12 = 15$ (giờ)

117. Lúc 5 giờ chiều là lúc 17 giờ trong ngày vì $5 + 12 = 17$ (giờ)

Ngày, tháng

118. a) Tháng 2 năm 2003 (năm không nhuận) có 28 ngày.

b) Tháng 2 năm 2003 có 4 ngày chủ nhật, đó là các ngày: 2, 9, 16, 23 trong tháng.

c) Các ngày thứ năm trong tháng 2 năm 2003 (lịch trên) rơi vào các ngày: 6, 13, 20, 27 của tháng.

119. a) Các tháng có 30 ngày (trong tất cả các năm) là: tháng tư, tháng sáu, tháng chín, tháng mười một.

b) Các tháng có 31 ngày (trong tất cả các năm là: tháng một (tháng giêng), tháng ba, tháng năm, tháng bảy, tháng tám, tháng mười, tháng mười hai.

c) Các tháng có 5 ngày chủ nhật trong năm 2003 là các tháng: ba, sáu, tám, mười một.

120. Ngày chủ nhật liền sau ngày chủ nhật mồng 9 là ngày 16 vì: $9 + 7 = 16$.

121. Các ngày chủ nhật của tháng đó là các ngày, 2, 9, 16, 23, 30. Nếu tháng đó là tháng hai thì các ngày chủ nhật của tháng là các ngày: 2, 9, 16, 23 vì tháng hai chỉ có 28 hoặc 29 ngày.

122. Một tuần lễ có 7 ngày, hai tuần lễ có số ngày là:

$$7 \text{ ngày} + 7 \text{ ngày} = 14 \text{ ngày.}$$

Nếu hôm nay là mồng 3 thì ngày mẹ về sẽ là 17 vì: $3 + 14 = 17$

Nếu hôm nay là thứ hai thì sau 14 ngày nữa vẫn là thứ hai.

Trả lời: Mẹ về ngày 17. Ngày ấy là ngày thứ hai.

123. Một tuần lễ có 7 ngày nên hai ngày chủ nhật liền nhau cách nhau 7 ngày. Ngày chủ nhật liền trước ngày chủ nhật 17 là ngày 10 vì:

$$17 - 7 = 10$$

Ngày chủ nhật liền trước ngày chủ nhật mồng 10 là ngày 3 vì:

$$10 - 7 = 3$$

Trả lời : Ngày chủ nhật đầu tiên của tháng đó là ngày mồng 3.

124. Một tuần có 7 ngày nên cứ sau 7 ngày lại đến ngày chủ nhật. Ngày mồng một là ngày chủ nhật thì ngày chủ nhật tiếp theo là ngày:

$$1 + 7 = 8$$

và các ngày chủ nhật tiếp theo của tháng đó là:

$$8 + 7 = 15$$

$$15 + 7 = 22$$

$$22 + 7 = 29$$

(Nhưng nếu tháng đó là tháng 2 của năm không nhuận thì không có ngày chủ nhật 29 vì năm thường thì tháng 2 chỉ có 28 ngày).

Chẳng hạn lịch tháng 6 năm 2003 dưới đây:

Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

Trả lời: Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng đó là ngày 29 (nếu tháng đó không phải là tháng 2 năm thường).

Nếu tháng đó là tháng hai năm thường thì ngày chủ nhật cuối cùng của tháng đó là ngày 22.

125. Tháng 2 của năm thường (năm không nhuận) có 28 ngày. Tháng 2 của năm nhuận có 29 ngày.

Để một tháng nào đó có nhiều ngày chủ nhật nhất thì ngày chủ nhật đầu tiên của tháng đó phải là ngày mồng 1. Khi đó, các ngày chủ nhật tiếp theo của tháng đó là các ngày: 8, 15, 22, 29. (Xem lịch tháng 6 năm 2003 liên trên).

Vậy tháng 2 của năm thường không thể có 5 ngày chủ nhật vì không có ngày 29.

Tháng 2 của năm nhuận có thể có 5 ngày chủ nhật vì có ngày 29 nhưng tháng đó phải có ngày chủ nhật đầu tiên của tháng là ngày mồng 1. Nếu không thì tháng đó cũng vẫn chỉ có 4 ngày chủ nhật mà thôi.

126. Tháng hai của năm không nhuận chỉ có 28 ngày. Ngày 28 của tháng hai đó là ngày chủ nhật thì ngày mồng một của tháng ba năm đó là ngày thứ hai. Ngày thứ hai tiếp liên sau của thứ hai mồng một là ngày mồng 8 vì: $1 + 7 = 8$

Vậy ngày chủ nhật đầu tiên của tháng ba đó là ngày mồng bảy. Các ngày chủ nhật tiếp theo của tháng ba đó là các ngày: 14, 21, 28.

Đáp số: Các ngày; 7, 14, 21, 28.

127. Tháng hai có ít nhất là 28 ngày.

Để tháng đó có ít ngày chủ nhật nhất thì ngày mồng một của tháng đó là ngày thứ hai. Như vậy ngày thứ hai liền sau ngày thứ hai mồng một là ngày mồng tám vì: $1 + 7 = 8$

Vậy ngày chủ nhật đầu tiên của tháng đó là ngày mồng bảy vì:

$$8 - 1 = 7$$

Các ngày chủ nhật tiếp theo sẽ là các ngày: mười bốn, hai mươi mốt, hai mươi tám, vì:

$$7 + 7 = 14$$

$$14 + 7 = 21$$

$$21 + 7 = 28$$

Vì vậy không thể có tháng hai của một năm nào đó mà chỉ có ba ngày chủ nhật.

Cách hai: Một tuần lễ có 7 ngày và trong mỗi tuần lễ thì có một ngày chủ nhật.

Ta chia các ngày trong tháng hai thành 4 nhóm ngày mỗi nhóm có 7 ngày như sau:

Nhóm một gồm các ngày từ mồng một đến mồng 7.

Nhóm hai gồm các ngày từ mồng 8 đến 14.

Nhóm ba gồm các ngày từ 15 đến 21.

Nhóm bốn gồm các ngày từ 22 đến 28.

Mỗi nhóm này gồm 7 ngày trong một tuần lễ nên trong mỗi nhóm phải có một ngày chủ nhật, 4 nhóm ngày phải có 4 ngày chủ nhật.

Vì vậy không thể có tháng hai nào có 3 ngày chủ nhật được.

4 – Phép nhân, phép chia

Tổng của nhiều số

128.

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 41 \\ \hline 35 \\ \hline 88 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 30 \\ \hline 8 \\ \hline 83 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ 12 \\ + 12 \\ 12 \\ \hline 48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \\ 23 \\ + 23 \\ 23 \\ \hline 92 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ 25 \\ + 25 \\ 25 \\ \hline 100 \end{array}$$

129. Viết theo mẫu :

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 6 = 12 \quad \text{hoặc} \quad 6 \times 2 = 12$$

$$5 + 5 + 5 = 3 \times 5 = 15 \quad \text{hoặc} \quad 5 \times 3 = 15$$

$$8 + 8 + 8 + 8 = 4 \times 8 = 32 \quad \text{hoặc} \quad 8 \times 4 = 32$$

$$9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 5 \times 9 = 45 \quad \text{hoặc} \quad 9 \times 5 = 45$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 6 = 18 \quad \text{hoặc} \quad 6 \times 3 = 18$$

130. a) $7 \times 3 = 21$ hoặc $3 \times 7 = 21$

b) $6 \times 4 = 24$ hoặc $4 \times 6 = 24$

c) $10 \times 8 = 80$ hoặc $8 \times 10 = 80$

d) $5 \times 5 = 25$

131. Lập bảng nhân 2

$$2 = 2 \times 1 = 2$$

$$2 + 2 = 2 \times 2 = 4$$

$$2 + 2 + 2 = 2 \times 3 = 6$$

$$2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 4 = 8$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 5 = 10$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 6 = 12$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 7 = 14$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 8 = 16$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 9 = 18$$

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 10 = 20$$

132. Lập bảng nhân 3

$$3 = 3 \times 1 = 3$$

$$3 + 3 = 3 \times 2 = 6$$

$$3 + 3 + 3 = 3 \times 3 = 9$$

$$3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 4 = 12$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5 = 15$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 6 = 18$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 7 = 21$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 8 = 24$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 9 = 27$$

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 10 = 30$$

Lập bảng nhân 4

$$4 = 4 \times 1 = 4$$

$$4 + 4 = 4 \times 2 = 8$$

$$4 + 4 + 4 = 4 \times 3 = 12$$

$$4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 4 = 16$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 5 = 20$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 6 = 24$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 7 = 28$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 8 = 32$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 9 = 36$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 10 = 40$$

Các bảng nhân còn lại bạn đọc tự lập

133.

$$\begin{array}{r} 2 \\ \times 9 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ \times 2 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ \times 3 \\ \hline 21 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ \times 7 \\ \hline 21 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ \times 4 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ \times 8 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ \times 6 \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 5 \\ \hline 30 \end{array}$$

134.

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 3 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ \times 7 \\ \hline 35 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ \times 9 \\ \hline 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ \times 8 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 2 \\ \hline 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ \times 4 \\ \hline 28 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ \times 3 \\ \hline 27 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ \times 7 \\ \hline 21 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 8 \\ \hline 48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ \times 3 \\ \hline 24 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ \times 7 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 6 \\ \hline 36 \end{array}$$

135. Một con mèo có 4 cái chân nên số chân mèo là:

$$4 \times 2 = 8 \text{ (chân)}$$

Một con gà có 2 cái chân nên số chân gà là:

$$2 \times 6 = 12 \text{ (chân)}$$

Tổng số chân mèo và chân gà là:

$$8 + 12 = 20 \text{ (chân)}$$

Đáp số : 20 chân

136. Số học sinh của lớp 2B là:

$$3 \times 10 = 30 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 30 học sinh.

137. Số người ngồi ăn trong phòng là:

$$6 \times 8 = 48 \text{ (người)}$$

Đáp số: 48 người.

138. Số lít xăng của hàng bán là:

$$3 \times 9 = 27 \text{ (l)}$$

Đáp số: 27l

139. Số quyển sách 10 học sinh mang đi là:

$$5 \times 10 = 50 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 50 quyển.

140.

$$3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5$$

$$5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 6$$

$$\underbrace{8 + 8 + \dots + 8 + 8}_{\text{Có 9 số hạng}} = 8 \times 9$$

$$\underbrace{a + a + \dots + a}_{\text{Có 7 số hạng}} = a \times 7$$

$$\underbrace{b + b + \dots + b}_{\text{Có n số hạng}} = b \times n$$

141. 2×6 4×3
 $= 12$ $= 12$

Vậy 2×6 4×3

5×8 4×10
 $= 40$ $= 40$

Vậy 5×8 4×10

7×9 9×7
 $= 63$ $= 63$

Vậy : 7×9 9×7

8×4 5×7
 $= 32$ $= 35$

Vậy 8×4 5×7

$$6 \times 6 = 36 \quad \square \quad 5 \times 8 = 40$$

$$10 \times 5 = 50 \quad \square \quad 5 \times 9 = 45$$

$$\text{Vậy } 6 \times 6 \quad \square < \quad 5 \times 8$$

$$\text{Vậy } 10 \times 5 \quad \square > \quad 5 \times 9$$

142.

$$6 \times 8 - 40 = 48 - 40 = 8$$

$$7 \times 3 + 9 = 21 + 9 = 30$$

$$6 \times 5 - 30 = 30 - 30 = 0$$

$$5 \times 4 + 30 = 20 + 30 = 50$$

$$7 \times 10 + 30 = 70 + 30 = 100$$

$$7 \times 5 + 5 = 35 + 5 = 40$$

$$9 \times 9 + 1 = 81 + 1 = 82$$

$$9 \times 10 + 10 = 90 + 10 = 100$$

$$6 \times 8 + 2 = 48 + 2 = 50$$

143.

$2 \times 5 = 10$	vậy:	$10 : 2 = 5$	và	$10 : 5 = 2$
$3 \times 8 = 24$	vậy:	$24 : 3 = 8$	và	$24 : 8 = 3$
$5 \times 7 = 35$	vậy:	$35 : 5 = 7$	và	$35 : 7 = 5$
$4 \times 6 = 24$	vậy:	$24 : 4 = 6$	và	$24 : 6 = 4$
$2 \times 9 = 18$	vậy:	$18 : 2 = 9$	và	$18 : 9 = 2$
$7 \times 3 = 21$	vậy:	$21 : 3 = 7$	và	$21 : 7 = 3$
$7 \times 6 = 42$	vậy:	$42 : 7 = 6$	và	$42 : 6 = 7$
$8 \times 9 = 72$	vậy:	$72 : 8 = 9$	và	$72 : 9 = 8$
$10 \times 8 = 80$	vậy:	$80 : 8 = 10$	và	$80 : 10 = 8$

144. Một con gà có 2 cái chân nên số con gà là:

$$20 : 2 = 10 \text{ (con gà)}$$

Đáp số: 10 con gà.

145.

Bảng chia 3:

Bảng chia 4

$3 \times 1 = 3$	nên	$3 : 3 = 1$	$4 \times 1 = 4$	nên	$4 : 4 = 1$
$3 \times 2 = 6$	nên	$6 : 3 = 2$	$4 \times 2 = 8$	nên	$8 : 4 = 2$
$3 \times 3 = 9$	nên	$9 : 3 = 3$	$4 \times 3 = 12$	nên	$12 : 4 = 3$

$3 \times 4 = 12$	nên	$2 : 3 = 4$	$4 \times 4 = 16$	nên	$16 : 4 = 4$
$3 \times 5 = 15$	nên	$15 : 3 = 5$	$4 \times 5 = 20$	nên	$20 : 4 = 5$
$3 \times 6 = 18$	nên	$18 : 3 = 6$	$4 \times 6 = 24$	nên	$24 : 4 = 6$
$3 \times 7 = 21$	nên	$21 : 3 = 7$	$4 \times 7 = 28$	nên	$28 : 4 = 7$
$3 \times 8 = 24$	nên	$24 : 3 = 8$	$4 \times 8 = 32$	nên	$32 : 4 = 8$
$3 \times 9 = 27$	nên	$27 : 3 = 9$	$4 \times 9 = 36$	nên	$36 : 4 = 9$
$3 \times 10 = 30$	nên	$30 : 3 = 10$	$4 \times 10 = 40$	nên	$40 : 4 = 10$

Các bảng còn lại bạn đọc tự lập.

146.

$$16 : 2 \quad \boxed{} \quad 40 : 5$$

$$= 8 \quad \quad \quad = 8$$

Vậy $16 : 2 \quad \boxed{=}$ $40 : 5$

$$21 : 3 \quad \boxed{} \quad 21 : 7$$

$$= 7 \quad \quad \quad = 3$$

Vậy $21 : 3 \quad \boxed{>}$ $21 : 7$

$$20 : 5 \quad \boxed{} \quad 12 : 3$$

$$= 4 \quad \quad \quad = 4$$

Vậy $20 : 5 \quad \boxed{=}$ $12 : 3$

$$24 : 8 \quad \boxed{} \quad 24 : 3$$

$$= 3 \quad \quad \quad = 8$$

Vậy $24 : 8 \quad \boxed{<}$ $24 : 3$

$$30 : 6 \quad \boxed{} \quad 25 : 5$$

$$= 5 \quad \quad \quad = 5$$

Vậy $30 : 6 \quad \boxed{=}$ $25 : 5$

$$81 : 9 \quad \quad \quad 20 : 2$$

$$= 9 \quad \quad \quad = 10$$

Vậy $81 : 9 \quad \boxed{<}$ $20 : 2$

$$36 : 6 \quad \boxed{} \quad 12 : 6$$

$$= 6 \quad \quad \quad = 2$$

Vậy $36 : 6 \quad \boxed{>}$ $12 : 6$

$$49 : 7 \quad \boxed{} \quad 21 : 3$$

$$= 7 \quad \quad \quad = 7$$

Vậy $49 : 7 \quad \boxed{=}$ $21 : 3$

$$64 : 8 \quad \boxed{} \quad 72 : 9$$

$$= 8 \quad \quad \quad = 8$$

Vậy $64 : 8 \quad \boxed{=}$ $72 : 9$

$$100 : 10 \quad \boxed{} \quad 30 : 3$$

$$= 10 \quad \quad \quad = 10$$

Vậy $100 : 10 \quad \boxed{=}$ $30 : 3$

147. $12 : 6 = 2$ $4 : 1 = 4$

$24 : 3 = 8$ $35 : 5 = 7$

$63 : 9 = 7$ $27 : 3 = 9$

$9 : 9 = 1$ $8 : 8 = 1$

$5 : 5 = 1$

$40 : 8 = 5$

$42 : 6 = 7$

$7 : 1 = 7$

148. a) $\frac{1}{2}$ của 6 là: $6 : 2 = 3$

b) $\frac{1}{3}$ của 12 là : $12 : 3 = 4$

c) $\frac{1}{5}$ của 30 là $30 : 5 = 6$

149. a) Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

b) Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho số thương.

c) Muốn tìm số bị chia ta lấy số chia nhân với số thương.

150. Tính:

$27 : 9 = 3$

$15 : 5 = 3$

$6 \times 7 = 42$

$45 : 9 = 5$

$8 \times 4 = 32$

Ta có bảng:

Số bị chia	Số chia	Thương
27	9	3
15	3	5
42	6	7
45	5	9
32	8	4

151. Tính:

$7 \times 8 = 56$

$51 : 6 = 9$

$64 : 8 = 8$

$32 : 4 = 8$

Ta có bảng

Thừa số	Thừa số	Tích
7	8	56
9	6	54
8	8	64
8	4	32

152. Số học sinh tập thể dục của lớp 2A là:

$4 \times 8 = 32$ (H.S)

Đáp số: 32 học sinh

153. Số học sinh trên sân là:

$$9 \times 8 = 72 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 72 H.S

154. Số cây hoa ở mỗi hàng là:

$$40 : 8 = 5 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 5 cây.

155. Số kẹo mỗi em được chia là:

$$45 : 9 = 5 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 5 cái.

156. Số em được chia kẹo là:

$$48 : 6 = 8 \text{ (em)}$$

Đáp số: 8 em

157. a) Mỗi em được $\frac{1}{4}$ số kẹo nên có 4 em được chia kẹo.

b) Số kẹo mỗi em được chia là:

$$28 : 4 = 7 \text{ (cái)}$$

Đáp số: a) 4 em

b) 7 cái kẹo.

www.sachgiai.com

Giờ, phút

158. a) Một giờ có 60 phút.

b) Trên mặt đồng hồ có 12 số: từ số 1 đến số 12.

c) Kim phút chuyển dịch từ số này đến số liền sau hết 5 phút. Từ số 12 đến số 3 kim phút phải chuyển dịch qua 3 số: 1, 2, 3 nên thời gian chuyển dịch là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (phút)}$$

Đáp số: a) 60 phút

b) 12 số

c) 15 phút

159. a) Lúc 8 giờ 30 phút còn gọi là 8 giờ rưỡi.

b) Kim phút chuyển dịch từ số này đến số liền sau hết 5 phút. Từ số 12 kim phút chuyển dịch đến số 6 phải qua 6 số là: 1, 2, 3, 4, 5, 6 nên thời gian chuyển dịch là:

$$5 \times 6 = 30 \text{ phút hay nửa giờ.}$$

Cách 2:

b) Kim phút chuyển dịch từ số 12 đi hết một vòng mặt đồng hồ trở về số 12 hết 1 giờ hay 60 phút.

Kim phút chuyển dịch từ số 12 đến số 6 là chuyển dịch được $\frac{1}{2}$

vòng mặt đồng hồ nên hết 30 phút hay nửa giờ.

c) Kim phút chuyển dịch từ số 2 đến số 6 phải qua 4 số là: 3, 4, 5, 6. Kim phút chuyển dịch từ số này đến số liền sau hết 5 phút.

Vậy kim phút chuyển dịch từ số 2 đến số 6 hết số phút là:

$$5 \times 4 = 20 \text{ (phút)}$$

Đáp số: a) 8 giờ rưỡi

b) 30 phút

c) 20 phút

160. Lúc kim giờ chỉ vào số 6, kim phút chỉ số 12 là lúc 6 giờ. Kim phút chuyển dịch từ số 12 đến số 3 phải qua 3 số là: 1, 2, 3.

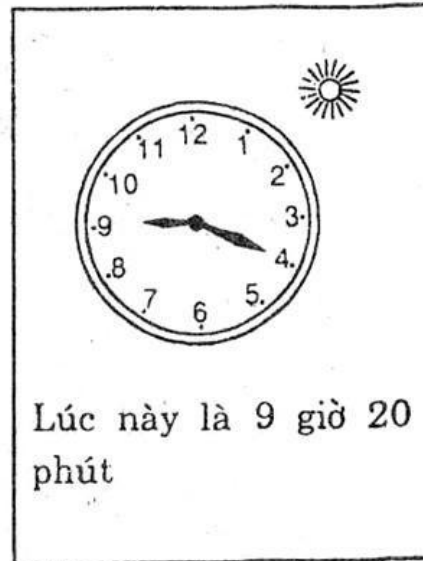
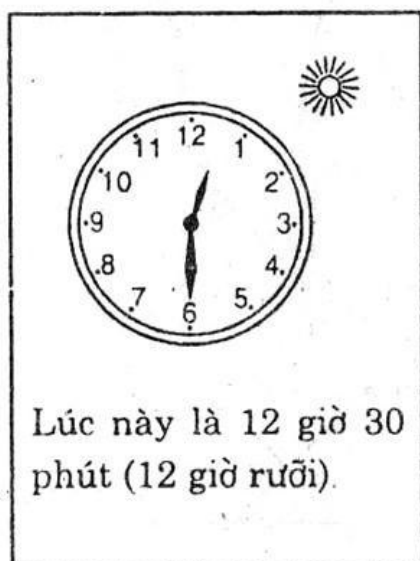
Kim phút chuyển dịch từ số này đến số liền sau mất 5 phút nên kim phút chuyển dịch từ số 12 tới số 3 hết số phút là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (phút)}$$

Vậy lúc kim giờ chỉ gần số 6, kim phút chỉ số 3 là lúc 6 giờ 15 phút.

Đáp số: 6 giờ 15 phút.

161. Đọc thời gian (điểm) trên đồng hồ:



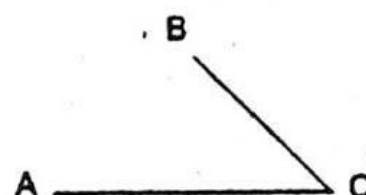
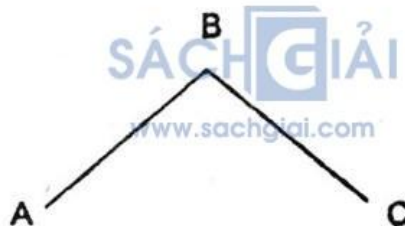
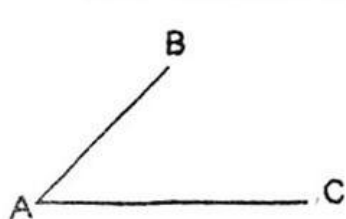


Đường gấp khúc - Độ dài đường gấp khúc.

162. Nối các điểm để được đường gấp khúc.

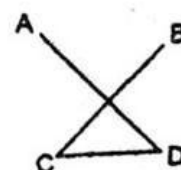
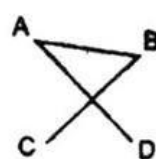
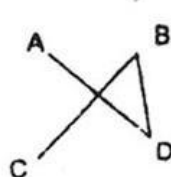
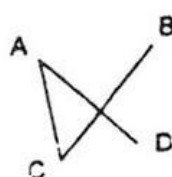
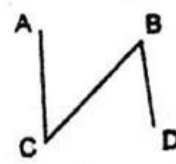
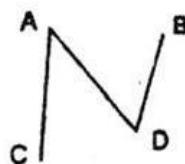
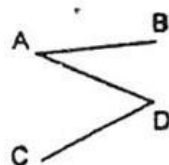
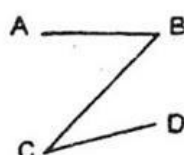
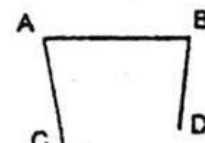
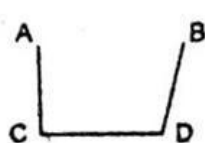
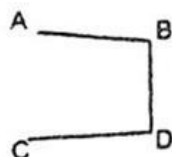
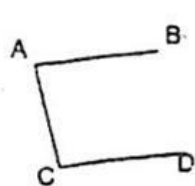
a) Hai đoạn thẳng.

Có 3 cách nối sau:



b) Ba đoạn thẳng.

Có 12 cách nối sau:



163. a) $3\text{ cm} + 1\text{ cm} + 4\text{ cm} = 8\text{ cm}$

b) $4\text{ cm} + 3\text{ cm} = 7\text{ cm}$

Đáp số: a) 8 cm

b) 7 cm

164. Cách 1: Đoạn dây nhôm dài là:

$$3\text{ cm} + 3\text{ cm} + 3\text{ cm} = 9\text{ cm}$$

Cách 2: Đoạn dây nhôm dài là:

$$3 \times 3 = 9\text{ (cm)}$$

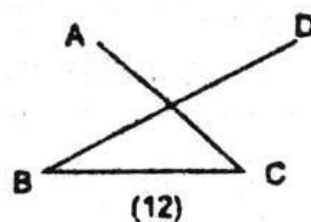
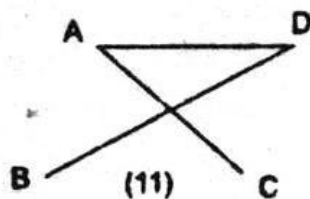
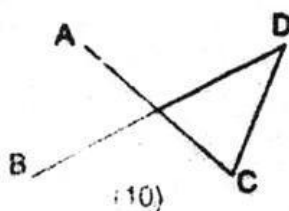
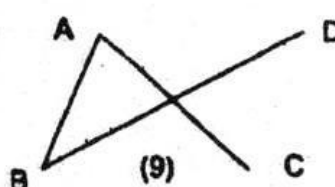
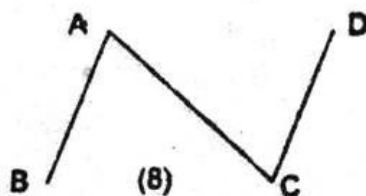
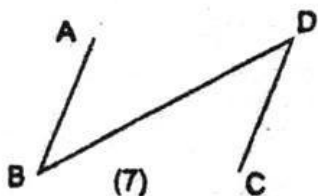
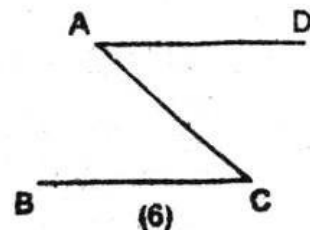
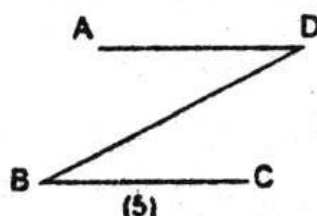
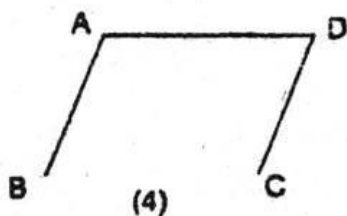
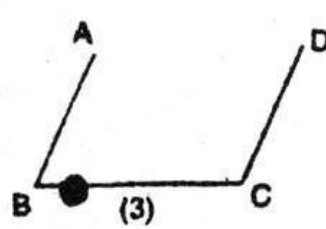
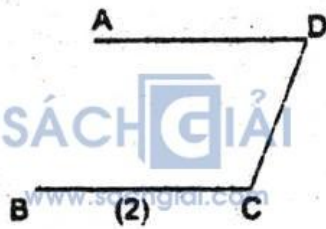
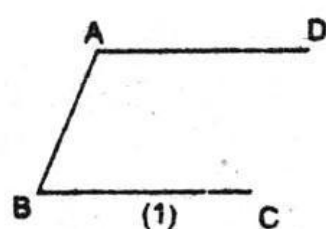
Đáp số: 9 cm.

165. Đọc tên các đoạn thẳng ở mỗi đường gấp khúc:

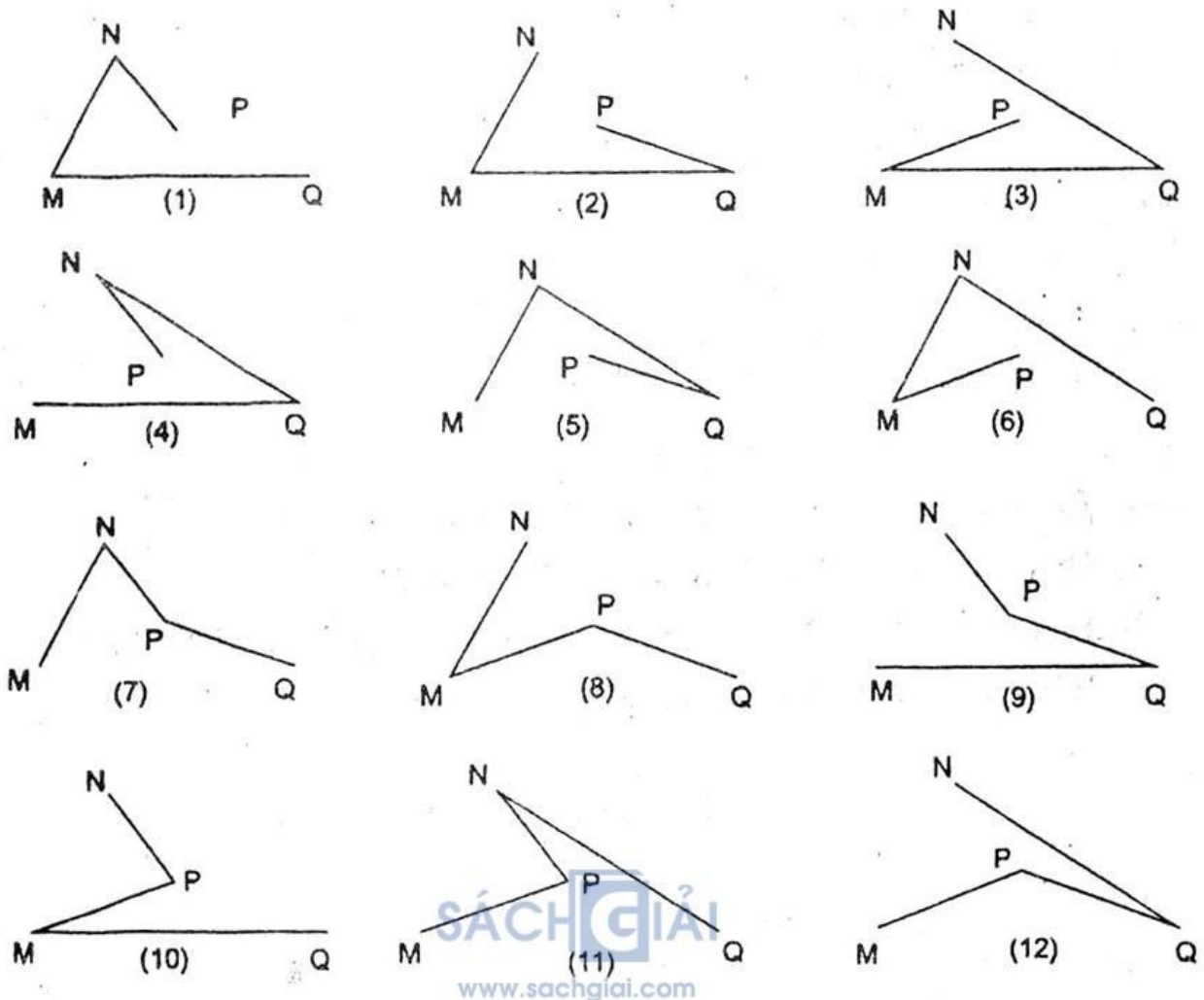
a) Đoạn AB, đoạn BC (hoặc đoạn CB, đoạn BA).

b) Đoạn MN, đoạn NP, đoạn PQ (hoặc đoạn QP, đoạn PN, đoạn NM).

166. Hình a có 12 cách nối (xem bài 162 phần b)



b



Hình có 12 cách nối khác nhau.

c) Đọc tên các đoạn thẳng ở hình a.

H.1 – CB, BA, AD	hoặc	DA, AB, BC
H.2 – BC, CD, DA	hoặc	AD, DC, CB
H.3 – AB, BC, CD	hoặc	DC, CB, BA
H.4 – BA, AD, DC	hoặc	CD, DA, AB
H.5 – AD, DB, BC	hoặc	CB, BD, DA
H.6 – DA, AC, CB	hoặc	BC, CA, AD
H.7 – AB, BD, DC	hoặc	CD, DB, BA
H.8 – BA, AC, CD,	hoặc	DC, CA, AB
H.9 – CA, AB, BD	hoặc	DB, BA, AC
H.10 – BD, DC, CA	hoặc	AC, CD, DB
H.11 – BD, DA, AC	hoặc	CA, AD, DB
H.12 – AC, CB, BD	hoặc	DB, BC, CA

Đọc tên các đoạn thẳng ở hình b.

H.1 – PN, NM, MQ	hoặc	QM, MN, NP
H.2 – NM, MQ, QP	hoặc	PQ, QM, MN
H.3 – PM, MQ, QN	hoặc	NQ, QM, MP
H.4 – MQ, QN, NP	hoặc	PN, NQ, QM
H.5 – MN, NQ, QP	hoặc	PQ, QN, NM
H.6 – PM, MN, NQ	hoặc	QN, NM, MP
H.7 – MN, NP, PQ	hoặc	QP, PN, NM
H.8 – NM, MP, PQ	hoặc	QP, PM, MN
H.9 – MQ, QP, PN	hoặc	NP, PQ, QM
H.10 – NP, PM, MQ	hoặc	QM, MP, PN
H.11 – MP, PN, NQ	hoặc	QN, NP, PM
H.12 – MP, PQ, QN	hoặc	NQ, QP, PM

Chu vi hình tam giác – chu vi hình tứ giác

167. a) Muốn tính chu vi của một hình tam giác ta cộng số đo của 3 cạnh hình đó (cùng tên đơn vị: cùng dm hoặc cm).

b) Muốn tính chu vi của một hình tứ giác ta cộng số đo 4 cạnh của hình đó (cùng tên đơn vị).

Nếu số đo 4 cạnh cùng bằng nhau thì có thể chuyển thành phép nhân (vì là cộng 4 số hạng bằng nhau).

168. Chu vi mỗi hình tam giác là:

a) $4\text{cm} + 5\text{cm} + 6\text{cm} = 15\text{ cm}$

b) $6\text{ dm} + 7\text{ dm} + 9\text{ dm} = 22\text{ dm}$

c) $20\text{ cm} + 30\text{ cm} + 40\text{ cm} = 90\text{ cm} = 9\text{ dm}$

d) $16\text{ cm} + 19\text{ cm} + 21\text{ cm} = 56\text{ cm}$

Đáp số: a) 15 cm

b) 22 dm

c) $90\text{ cm} = 9\text{ dm}$

d) 56 cm

169. a) Chu vi hình tứ giác bên là:

$$3 \text{ cm} + 3 \text{ cm} + 3 \text{ cm} + 3 \text{ cm} = 12 \text{ cm} \text{ hoặc: } 3 \text{ cm} \times 4 = 12 \text{ cm}$$

b) Vì 4 cạnh có số đo bằng nhau nên có thể thay phép cộng 4 số hạng bằng nhau bằng phép nhân: nhân một số hạng với 4.

Đáp số: a) 12 cm

b) Tính được bằng phép nhân.

170. a) Bất cứ số nào nhân với một cũng được tích bằng chính số đó. Chẳng hạn:

$$a \times 1 = a$$

b) 1 nhân với bất cứ số nào cũng cho kết quả bằng chính số đó.

$$a \times 1 = 1 \times a = a$$

c) Bất cứ số nào chia cho 1 cũng cho thương bằng số bị chia vì số bị chia bằng 1 nhân với thương.

$$a : 1 = a \text{ vì } a = 1 \times a.$$

$$171. \quad 1 \times a = a \quad c : 1 = c \quad a \times \boxed{1} = a \quad d : \boxed{1} = d$$

$$b \times 1 = b \quad n : 1 = n \quad \boxed{1} \times b = b \quad n : \boxed{1} = n$$

$$172. \quad 0 \times 6 = 0 \quad 15 \times 0 = 0 \quad 0 : 3 = 0 \quad 0 : 9 = 0$$

$$12 \times 0 = 0 \quad 0 \times 18 = 0 \quad 0 : 5 = 0 \quad 0 : 6 = 0$$

173. Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. Vậy thừa số chưa biết trong phép tính Hoà làm là :

$$0 : 9 = 0$$

Đáp số: 0

174. Muốn tìm số bị chia ta lấy số chia nhân với thương. Vậy số bị chia trong phép chia Hoà làm là:

$$7 \times 0 = 0$$

Đáp số: 0

5- Các số trong phạm vi 1000

175. a) Một chục bằng 10 đơn vị.

b) Mười chục bằng một trăm.

c) Một nghìn bằng 10 trăm.

d) Các số tròn trăm đến 1000 là:

$$100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000.$$

176. a) Số 100 đọc là một trăm.

Số 300 đọc là ba trăm.

Số 500 đọc là năm trăm.

Số 200 đọc là hai trăm.

Số 900 đọc là chín trăm.

Số 1000 đọc là một nghìn.

b) Sắp xếp các số theo trật tự từ nhỏ đến lớn:

100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000.

177. Viết số:

a) Số ba trăm viết là: 300.

b) Số sáu trăm viết là: 600.

c) Số năm trăm viết là: 500.

d) Số bốn trăm viết là: 400.

e) Số tám trăm viết là: 800.

g) Số một nghìn viết là: 1000.

178. a) Số tròn trăm nhỏ nhất là số: 100 (một trăm)

b) Số tròn trăm lớn nhất và nhỏ hơn một nghìn là số: 900 (chín trăm)

c) Các số tròn trăm nhỏ hơn một nghìn theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là:

900, 800, 700, 600, 500, 400, 300, 200, 100.

179. a) Đọc số:

Số 110 đọc là một trăm mười.

Số 150 đọc là một trăm năm mươi.

Số 180 đọc là một trăm tám mươi.

Số 170 đọc là một trăm bảy mươi.

Số 190 đọc là một trăm chín mươi.

b) Viết số tròn chục trong phạm vi từ 100 đến 200 theo trật tự từ nhỏ đến lớn:

100, 110, 120, 130, 140, 150, 160, 170, 180, 190, 200.

c) Các số tròn chục trong phạm vi từ 200 đến 300 theo trật tự từ lớn đến nhỏ là:

300, 290, 280, 270, 260, 250, 240, 230, 220, 210, 200.

180. a) Đọc số:

Số 106 đọc là một trăm linh sáu.

Số 207 đọc là hai trăm linh bảy.

Số 301 đọc là ba trăm linh một.

Số 408 đọc là bốn trăm linh tám.

Số 602 đọc là sáu trăm linh hai.

Các số còn lại, bạn đọc tự đọc.

b) Các số ở câu a được sắp xếp theo trật tự từ nhỏ đến lớn là:

106, 207, 301, 408, 602, 605, 704, 803, 909.

Để sắp xếp câu b được nhanh ta làm như sau:

Chọn số có hàng trăm nhỏ nhất viết trước. Với hai số có cùng hàng trăm thì vì hàng chục cùng là 0 nên số nào có hàng đơn vị nhỏ hơn thì viết trước.

c) Các số ở câu a sắp xếp theo trật tự từ lớn đến nhỏ là :

909, 803, 704, 605, 602, 408, 301, 207, 106.

Để làm nhanh, ta chọn số có hàng trăm lớn nhất để viết trước. Với các số có cùng hàng trăm, hàng chục thì số có hàng đơn vị lớn hơn viết trước.

181. a) Đọc số:

Số 111 đọc là một trăm mười một.

Số 112 đọc là một trăm mười hai.

.....

Các số còn lại bạn đọc tự đọc.

b) Các số ở câu a sắp xếp theo trật tự từ nhỏ đến lớn là:

111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119.

c) Các số ở câu a sắp xếp theo trật tự từ lớn đến nhỏ.

119, 118, 117, 116, 115, 114, 113, 112, 111

Để sắp xếp nhanh, ta thấy các số có hàng trăm, hàng chục giống nhau nên số nào có hàng đơn vị lớn hơn thì viết trước.

182. a) Đọc số:

Số 118 đọc là một trăm mười tám.

Số 122 đọc là một trăm hai mươi hai.

Số 123 đọc là một trăm hai mươi ba.

.....

Các số còn lại bạn đọc tự đọc.

b) Các số ở câu a sắp xếp theo trật tự từ nhỏ đến lớn là:

118, 122, 123, 136, 147, 148, 169, 178, 182, 191.

c) Viết số:

Số một trăm linh chín viết là: 109.

Số một trăm hai mươi ba viết là 123.

Số một trăm tám mươi một viết là: 181.

Số một trăm bảy mươi bảy viết là: 177.

.....

Các số còn lại bạn đọc tự viết.

183. a) Số 679 có ba hàng là các hàng: đơn vị, chục, trăm tính từ phải sang trái.

b) Viết theo mẫu:

Số	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Đọc là
249	2	4	9	Hai trăm bốn mươi chín
365	3	6	5	Ba trăm sáu mươi lăm
444	4	4	4	Bốn trăm bốn mươi bốn
111	1	1	1	Một trăm mười một
507	5	0	7	Năm trăm linh bảy
608	6	0	8	Sáu trăm linh tám

184. Viết số:

Số một trăm mười viết là: 110.

Số hai trăm linh tám viết là: 208.

Số hai trăm sáu mươi viết là: 260.

Số chín trăm chín mươi chín viết là 999.

.....

Các số còn lại bạn đọc tự viết.

185. a) $135 < 402$ $432 > 406$

$617 > 536$ $567 < 580$

$888 > 777$ $993 < 996$

$808 < 900$ $772 > 771$

b) Trong hai số khác hàng trăm thì số nào có hàng trăm lớn hơn sẽ lớn hơn.

c) Nếu hai số có cùng hàng trăm, hàng chục khác nhau thì số nào có hàng chục nhỏ hơn sẽ nhỏ hơn.

d) Nếu hai số có cùng hàng trăm, hàng chục thì số nào có hàng đơn vị lớn hơn sẽ lớn hơn.

e) Nếu hai số có cùng hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị, ta điền dấu = vào giữa hai số đó.

$$\begin{array}{ll} 186. \quad \overline{9ab} > \overline{8ba} & \overline{9a8} > \overline{9a7} \\ \overline{6ba} < \overline{7ba} & \overline{abc} = \overline{abc} \\ \overline{96a} = \overline{96a} & \overline{acb} = \overline{acb} \end{array}$$

(Chú ý: Trong một số nếu có xen chữ thì phải kẻ ngang trên đầu số đó. Số $\overline{9ab}$ đọc là: chín trăm a chục b đơn vị).

Mét - Kilomet

187. a) $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$

$$100 \text{ cm} = 1 \text{ m}$$

$$1 \text{ m} = 100 \text{ cm}$$

$$10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$$

b) Cây cau cao là:

$$3 + 6 = 9 \text{ (m)}$$

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Đáp số: 9 m

188. a) $2 \text{ km} = 2000 \text{ m}$

$$1000 \text{ m} = 1 \text{ km}$$

$$2000 \text{ m} = 2 \text{ km}$$

$$100 \text{ cm} = 1 \text{ m}$$

b) Đoạn đường từ A đến C dài là:

$$21 + 45 = 66 \text{ (km)}$$

Đoạn đường từ B đến D dài là:

$$45 + 53 = 98 \text{ (km)}$$

Đoạn đường từ A đến D dài là:

$$21 + 45 + 53 = 119 \text{ (Km)}$$

189. a) Hải Phòng gần Hà Nội hơn vì $102 < 272$

b) Hải Phòng gần Hà Nội hơn Cao Bằng là:

$$272 - 102 = 170 \text{ (km)}$$

Đáp số: a) Hải Phòng gần hơn

b) 170 km

Milimet

190. $5 \text{ cm} = 50 \text{ mm}$; $400 \text{ mm} = 40 \text{ cm} = 4 \text{ dm}$; $40 \text{ mm} = 4 \text{ cm}$
 $1 \text{ m} = 1000 \text{ mm}$; $600 \text{ mm} = 6 \text{ dm}$; $1000 \text{ mm} = 1 \text{ m}$

191. $15 \text{ m} + 32 \text{ m} = 47 \text{ m}$ $100 \text{ mm} + 400 \text{ mm} = 500 \text{ mm}$
 $46 \text{ cm} + 23 \text{ cm} = 69 \text{ cm}$ $6 \text{ km} \times 2 = 12 \text{ km}$
 $19 \text{ km} + 41 \text{ km} = 60 \text{ km}$ $18 \text{ mm} : 3 = 6 \text{ mm}$
 $73 \text{ mm} + 16 \text{ mm} = 89 \text{ mm}$ $45 \text{ mm} : 5 = 9 \text{ mm}$
 $36 \text{ km} + 33 \text{ Km} = 69 \text{ km}$

Phép cộng (không nhớ) Trong phạm vi 1000

192. Tính:

$235 + 162 = 397$	$219 + 400 = 619$
$637 + 241 = 878$	$878 + 110 = 988$
$604 + 382 = 986$	$565 + 403 = 968$

193. Tính nhẩm:

$300 + 400 = 3 \text{ trăm} + 4 \text{ trăm} = 7 \text{ trăm} = 700$

Vậy $300 + 400 = 700$.

$600 + 200 = 6 \text{ trăm} + 2 \text{ trăm} = 8 \text{ trăm} = 800$

Vậy $600 + 200 = 800$

$300 + 500 = 3 \text{ trăm} + 5 \text{ trăm} = 8 \text{ trăm} = 800$

Vậy $300 + 500 = 800$

.....
Phần còn lại bạn đọc tự làm

Phép trừ (không nhớ) Trong phạm vi 1000

194. Tính:

$675 - 432 = 243$ $928 - 706 = 222$

$999 - 777 = 222$ $435 - 121 = 314$

$844 - 603 = 241$ $386 - 186 = 200$

195. Tính nhẩm:

$$600 - 400 = 6 \text{ trăm} - 4 \text{ trăm} = 2 \text{ trăm} = 200.$$

Vậy $600 - 400 = 200$

$$700 - 300 = 7 \text{ trăm} - 3 \text{ trăm} = 4 \text{ trăm} = 400$$

Vậy $700 - 300 = 400.$

$$800 - 600 = 8 \text{ trăm} - 6 \text{ trăm} = 2 \text{ trăm} = 200$$

Vậy $800 - 600 = 200.$

.....
Phần còn lại bạn đọc tự làm

196. Đàn vịt nhiều hơn đàn gà số con là:

$$857 - 643 = 214 \text{ (con)}$$

Đáp số: 214 con

197. Số con trong đàn gà là:

$$987 - 136 = 851 \text{ (con)}$$

Đáp số: 851 con

198. Đường Hà Nội – Vinh dài hơn đường Hà Nội – Lạng Sơn

$$289 - 154 = 135 \text{ (km)}$$

Đáp số: 135 km.

199. Viết số thích hợp vào ô trống:

Số bị trừ	673	549	987	859	876	786
Số trừ	241	136	642	247	312	324
Hiệu	432	413	345	612	564	462

200. Số học sinh ở trường Phan Văn Lan là:

$$948 - 136 = 812 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 812 học sinh.

201. Số cam đường nhà Hoa cắt là:

$$824 - 103 = 721 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 721 quả.

Tiền Việt Nam

202. a) Một tờ giấy bạc loại 200 đồng đổi được 2 tờ loại 100 đồng.
b) Một tờ giấy bạc loại 500 đồng đổi được 5 tờ loại 100 đồng.
c) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được 10 tờ loại 100 đồng.
d) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được 5 tờ loại 200 đồng.
e) Một tờ giấy bạc loại 1000 đồng đổi được 2 tờ loại 500 đồng.

203. Số tiền Hùng có là:

$$100 + 200 + 500 = 800 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 800 đồng.

204. Số tờ 100 đồng Hùng phải trả nhà hàng là:

$$200 : 100 = 2 \text{ trăm} : 1 \text{ trăm} = 2 \text{ (tờ)}$$

Đáp số: 2 tờ.

205. Số tiền nhà hàng phải trả lại là:

$$500 - 200 = 300 \text{ (đồng)}$$

Nhà hàng có 2 cách trả lại người mua là:

1) Trả lại 3 tờ giấy bạc 100 đồng.

$$\text{Vi: } 100 + 100 + 100 = 300 \text{ (đồng)}$$

2) Trả lại 1 tờ loại 200 đồng và 1 tờ loại 100 đồng.

$$\text{Vi: } 200 + 100 = 300 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 2 cách trả:

1) 3 tờ 100 đồng

2) 1 tờ 200 đồng và 1 tờ 100 đồng.

206. a) Số tiền nhà hàng phải trả lại khách hàng là:

$$1000 - 500 = 500 \text{ (đồng)}$$

b) Nhà hàng có 4 cách trả lại tiền khách hàng là:

1) Trả lại 1 tờ loại 500 đồng.

2) Trả lại 2 tờ loại 200 đồng và 1 tờ loại 100 đồng.

$$\text{Vi: } 200 + 200 + 100 = 500 \text{ (đồng)}$$

3) Trả lại 1 tờ loại 200 đồng và 3 tờ loại 100 đồng.

$$\text{Vi: } 200 + 100 + 100 + 100 = 500 \text{ (đồng)}$$

4) Trả lại 5 tờ loại 100 đồng.

$$\text{Vi: } 100 + 100 + 100 + 100 + 100 = 500 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) 500 đồng

b) 4 cách trả lại.

207. Có 10 cách đổi sau đây:

- 1) Đổi 1000 đồng lấy 2 tờ loại 500 đồng.
- 2) Đổi 1000 đồng lấy 5 tờ loại 200 đồng.
- 3) Đổi 1000 đồng lấy 10 tờ loại 100 đồng.
- 4) Đổi 1000 đồng lấy 1 tờ loại 500 đồng, 2 tờ loại 200 đồng và 1 tờ loại 100 đồng.
- 5) Đổi 1000 đồng lấy 1 tờ loại 500 đồng, 1 tờ loại 200 đồng và 3 tờ loại 100 đồng.
- 6) Đổi 1000 đồng lấy 1 tờ loại 500 đồng và 5 tờ loại 100 đồng.
- 7) Đổi 1000 đồng lấy 4 tờ loại 200 đồng và 2 tờ loại 100 đồng.
- 8) Đổi 1000 đồng lấy 3 tờ loại 200 đồng và 4 tờ loại 100 đồng.
- 9) Đổi 1000 đồng lấy 2 tờ loại 200 đồng và 6 tờ loại 100 đồng.
- 10) Đổi 1000 đồng lấy 1 tờ loại 200 đồng và 8 tờ loại 100 đồng.

6– Ôn tập cuối năm

Ôn tập các số trong phạm vi 1000

208. a) Đọc số:

Số 327 đọc là ba trăm hai mươi bảy.

Số 402 đọc là bốn trăm linh hai.

Số 618 đọc là sáu trăm mười tám.

Số 890 đọc là tám trăm chín mươi.

Số 999 đọc là chín trăm chín mươi chín.

b) Viết số:

– Các số tròn trăm tới 1000 theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là:

100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000.

– Số bốn trăm linh bảy viết là: 407.

– Số năm trăm mười ba viết là: 513.

– Số năm trăm năm mươi viết là: 550.

– Số sáu trăm tám mươi chín viết là: 689.

209. Số tròn trăm nhỏ nhất là 100.

– Số tròn trăm lớn nhất nhưng nhỏ hơn 1000 là 900.

– Số có ba chữ số gồm các hàng: đơn vị, chục, trăm tính từ phải sang trái.

210. Số nhỏ nhất có 3 chữ số là số 100.

- Số lớn nhất có 3 chữ số là số 999.
- Số nhỏ nhất có 2 chữ số là số 10.
- Số lớn nhất có 2 chữ số là số 99.
- Số nhỏ nhất có 1 chữ số là số 0.
- Số lớn nhất có 1 chữ số là số 9.
- Số liền sau số 999 là số 1000.
- Số liền trước số 999 là số 998.

211. a) Viết số theo mẫu:

$$732 = 700 + 30 + 2$$

$$418 = 400 + 10 + 8$$

$$905 = 900 + 5$$

$$620 = 600 + 20$$

$$777 = 700 + 70 + 7.$$

b) Viết theo mẫu:

$$300 + 70 + 4 = 374 \quad 800 + 30 = 830$$

$$600 + 50 + 6 = 656 \quad 400 + 40 + 4 = 444$$

$$200 + 2 = 202 \quad 900 + 90 + 9 = 999$$

212. a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ nhỏ đến lớn:

236, 473, 518, 638, 815, 907

b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:

936, 915, 812, 809, 803, 317, 206, 106, 100.

213. $613 < 821$ $817 < 866$ $996 > 969$

$407 > 399$ $712 > 704$ $473 > 470$

$613 < 620$ $718 > 713$ $321 < 328$

214. Số nào có hàng trăm lớn hơn thì lớn hơn.

Nếu hàng trăm bằng nhau thì số nào có hàng chục lớn hơn sẽ lớn hơn.

Nếu hàng trăm, hàng chục bằng nhau thì số nào có hàng đơn vị lớn hơn sẽ lớn hơn.

215. Tính nhẩm:

a) $20 + 70 = 2 \text{ chục} + 7 \text{ chục} = 9 \text{ chục} = 90$

Vậy: $20 + 70 = 90$

.....

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

b) $300 + 200 = 3 \text{ trăm} + 2 \text{ trăm} = 5 \text{ trăm} = 500$

Vậy: $300 + 200 = 500$

.....

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

c) $90 - 70 = 9 \text{ chục} - 7 \text{ chục} = 2 \text{ chục} = 20$

Vậy $90 - 70 = 20$

.....

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

d) $900 - 400 = 9 \text{ trăm} - 4 \text{ trăm} = 5 \text{ trăm} = 500.$

Vậy: $900 - 400 = 500$

SÁCH GIẢI

www.sachgiai.com

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

216. a) Hai phép trừ có hiệu số bằng số bị trừ là:

$$39 - 0 = 39$$

$$a - 0 = a$$

b) Hai phép cộng có tổng số bằng một số hạng là:

$$0 + 89 = 89$$

$$b + 0 = b$$

c) Hai phép nhân có tích bằng 0 là:

$$8 \times 0 = 0$$

$$0 \times 7 = 0$$

d) Hai phép nhân có tích bằng một thừa số là:

$$9 \times 1 = 9$$

$$1 \times 10 = 10$$

e) Hai phép chia có thương bằng số bị chia là:

$$6 : 1 = 6$$

$$a : 1 = a$$

g) Hai phép chia có thương bằng 0 là:

$$0 : 9 = 0$$

$$0 : a = 0 \quad (a \text{ lớn hơn } 0)$$

217. Muốn tìm một số hạng của tổng ta lấy tổng số trừ đi số hạng đã biết.

– Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

– Muốn tìm số bị trừ ta lấy số trừ cộng với hiệu

218. $63 + \dots = 63$

$\dots = 63 - 63$

$\dots = 0$

$\dots + 75 = 75$

$\dots 75 - 75$

$\dots = 0$

$73 - \dots = 73$

$\dots 73 - 73$

$\dots = 0$

$700 - \dots = 700$

$\dots = 700 - 700$

$\dots = 0$

$96 - \dots = 37$

$\dots = 96 - 37$

$\dots = 59$

$84 - \dots = 21$

$\dots = 84 - 21$

$\dots = 63$

119. Tính:

$\dots - 36 = 42$

$\dots = 42 + 36$

$\dots = 78$

$\dots - 53 = 15$

$\dots = 53 + 15$

$\dots = 68$

$800 - \dots = 300$

$\dots = 800 - 300$

$\dots = 500$

$700 - \dots = 100$

$\dots = 700 - 100$

$\dots = 600$

$6 \times 1 = 6$

$9 \times 1 = 9$

220. $6 \times \dots = 0$

$\dots = 0 : 6$

$\dots = 0$

$8 \times \dots = 0$

$\dots = 0 : 8$

$\dots = 0$

$8 : \dots = 8$

$\dots = 8 : 8$

$\dots = 1$

$7 : \dots = 7$

$\dots = 7 : 7$

$\dots = 1$

$$7 \times \dots = 7$$

$$\dots : 6 = 0$$

$$\dots = 7 : 7$$

$$\dots = 0 : 6$$

$$\dots = 1$$

$$\dots = 0$$

$$9 \times \dots = 9$$

$$\dots : 8 = 0$$

$$\dots = 9 : 9$$

$$\dots = 0 : 8$$

$$\dots = 1$$

$$\dots = 0$$

- Ghi nhớ:**
- Bất cứ số nào nhân với 0 cũng bằng 0.
 - 0 chia cho bất cứ số nào lớn hơn 0 cũng bằng 0.
 - Bất cứ số nào chia cho 1 (hoặc nhân với 1) cũng bằng chính số đó.
 - Phần còn lại bạn đọc tự làm.

221. Số cây hoa hồng và cúc trong vườn là:

$$134 + 643 = 777 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 777 cây.

222. Bể thứ nhất chứa hơn bể thứ hai là:

$$1000 - 500 = 500 \text{ (l)}$$

Đáp số: 500 l.

223. a) Ngày thứ bảy làm hơn ngày chủ nhật là:

$$466 - 315 = 151 \text{ (m)}$$

b) Cả hai ngày làm được là:

$$466 + 315 = 781 \text{ (m)}$$

Đáp số: a) 151 (m).

b) 781 m.

224. Tính:

$$x - 427 = 361$$

$$x + 375 = 898$$

$$x = 361 + 427$$

$$x = 898 - 375$$

$$x = 788$$

$$x = 523$$

$$679 - x = 536$$

$$x - 364 = 435$$

$$x = 679 - 536$$

$$x = 435 + 364$$

$$x = 143$$

$$x = 799$$

$$672 + x = 999$$

$$827 - x = 415$$

$$x = 999 - 672$$

$$x = 827 - 415$$

$$x = 327$$

$$x = 412$$

225. Tính:

$$12 : 2 = 6$$

$$18 : 2 = 9$$

$$24 : 3 = 8$$

$$12 : 3 = 4$$

$$18 : 3 = 6$$

$$24 : 4 = 6$$

$$12 : 4 = 3$$

$$18 : 6 = 3$$

$$24 : 6 = 4$$

$$12 : 6 = 2$$

$$18 : 9 = 2$$

$$24 : 8 = 3$$

Phần còn lại bạn đọc tự giải.

226. Số học sinh ở mỗi hàng là:

$$24 : 3 = 8 \text{ (H.S)}$$

Đáp số: 8 H.S

227. Số quả ở mỗi túi là:

$$45 : 5 = 9 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 9 quả

228. Số lớn nhất có 1 chữ số là 9. Vậy Đông có 9 hòn bi.

Số nhỏ nhất có hai chữ số là 10. Vậy Nam có 10 hòn bi.

Số bi của cả hai bạn là:

$$9 + 10 = 19 \text{ (hòn)}$$

SÁCH GIẢI

Đáp số: 19 hòn.

229. Số liền sau số 99 là 100. Vậy Tùng có 100 con tem.

Số nhỏ nhất có 3 chữ số là 100. Vậy Toàn có 100 con tem.

Như vậy, hai bạn có số con tem bằng nhau.

Trả lời: bằng nhau.

230. Tính:

$$3 \times 2 \times 4$$

$$= 6 \times 4 = 24$$

$$\text{Vậy: } 3 \times 2 \times 4 = 24$$

$$40 : 4 : 2$$

$$= 10 : 2 = 5$$

$$\text{Vậy: } 40 : 4 : 2 = 5$$

$$7 \times 8 - 6$$

$$= 56 - 6 = 50$$

$$\text{Vậy: } 7 \times 8 - 6 = 50$$

$$3 \times 3 \times 7$$

$$= 9 \times 7 = 63$$

$$\text{Vậy: } 3 \times 3 \times 7 = 63$$

$$60 : 10 : 2$$

$$= 6 : 2 = 3$$

$$\text{Vậy: } 60 : 10 : 2 = 3$$

$$8 \times 9 - 12$$

$$= 72 - 12 = 60$$

$$\text{Vậy } 8 \times 9 - 12 = 60$$

231. a) Số Con tem Hoa cho bạn là:

$$40 : 4 = 10 \text{ (con tem)}$$

b) Số con tem Hoa còn lại là $40 - 10 = 30$ (con tem)

Đáp số: a) 10 con tem

b) 30 con tem

232. a) Số lớn hơn 18 nhưng nhỏ hơn 20 là 19, Vậy tổng số điểm 10 của Đào và Mận là 19.

Như vậy khả năng số điểm 10 của mỗi bạn là:

Số điểm 10 của Đào	Số điểm 10 của Mận	Tổng số điểm 10 của hai bạn
0	19	19
1	18	19
2	17	19
3	16	19
4	15	19
5	14	19
6	13	19
7	12	19
8	11	19
9	10	19

233. Số tự nhiên nhỏ nhất là 0. Vậy Tâm không câu được con cá nào.

Số lớn nhất có 1 chữ số là 9. Vậy tổng số cá hai bạn câu được là 9 con cá.

Số cá Đắc câu được là:

$$9 - 0 = 9 \text{ (con cá)}$$

Đáp số : Tâm : 0

Đắc : 9 con cá.

234. Cách 1.

Các số có hai chữ số có tổng các chữ số là 18 thì chỉ có số 99 vì chữ số nhỏ hơn 10 và $9 + 9 = 18$.

Số 99 lại có hai chữ số giống nhau nên ta chọn số 99.

Cách 2.

Hai chữ số giống nhau thì bằng nhau. Vậy mỗi chữ số là

$$18 : 2 = 9$$

Số phải tìm là 99.

Cách 3.

Các số có 2 chữ số mà các chữ số giống nhau là:

$$11 \text{ loại vì } 1 + 1 = 2 < 18$$

$$22 \text{ loại vì } 2 + 2 = 4 < 18$$

$$33 \text{ loại vì } 3 + 3 = 6 < 18$$

$$44 \text{ loại vì } 4 + 4 = 8 < 18$$

$$55 \text{ loại vì } 5 + 5 = 10 < 18$$

$$66 \text{ loại vì } 6 + 6 = 12 < 18$$

$$77 \text{ loại vì } 7 + 7 = 14 < 18$$

$$88 \text{ loại vì } 8 + 8 = 16 < 18$$

$$99 \text{ chọn vì } 9 + 9 = 18$$

Vậy số phải tìm là 99.

235. Lúc 14 giờ là 2 giờ chiều. (Xem bảng giờ trong ngày. Lúc đó: kim ngắn chỉ vào số 2, kim dài (kim phút) chỉ vào số 12. Ta đọc là 2 giờ chiều hoặc 14 giờ.

236. Lúc 6 giờ kim ngắn (kim giờ) chỉ vào số 6, kim dài (kim phút) chỉ vào số 12. (Lúc này là sáng sớm ta đang chuẩn bị đi học). Lúc 18 giờ còn gọi là 6 giờ chiều, kim ngắn chỉ vào số 6, kim dài chỉ vào số 12. (Lúc này trời đã bắt đầu tối ta đang chuẩn bị ăn cơm tối).

237. Lúc 20 giờ ta thường gọi là 8 giờ tối.

238. Số tiền Thu mua tem là:

$$400 + 400 = 800 \text{ (đồng)}$$

Số tiền nhân viên bưu điện trả lại Thu là:

$$1000 - 800 = 200 \text{ (đồng)}$$

Nhân viên bưu điện có hai cách trả lại Thu:

1) Trả lại 2 tờ giấy bạc loại 100 đồng.

2) Trả lại 1 tờ giấy bạc loại 200 đồng.

Đáp số: 200 đồng

2 cách trả lại.

239. a) Con lợn thứ hai nặng là:

$$118 - 7 = 111 \text{ (kg)}$$

b) Cả hai con lợn nặng là:

$$118 + 111 = 229 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 111 kg

b) 229 kg

240. Đoạn đường người đó đi dài là:

$$558 + 102 = 660 \text{ (km)}$$

Đáp số: 660 km.

241. Chữ số 6 để ngược lại thành số 9. Chữ số 9 để ngược lại thành số 6. Vậy số 6×9 để ngược lại vẫn là số 6×9 .

Vì vậy ta cần tìm chữ số khác với chữ số 0 mà khi để ngược lại vẫn đúng là chữ số đó.

Đó chính là chữ số 8 (vì chữ số 8 để ngược lại vẫn là 8). Ta có số 689 để ngược lại vẫn là số 689.

Ta lại có thể đổi chỗ hai chữ số 6 và 9 ta được số mới là 986 để ngược lại vẫn là số 986.

Cuối cùng ta thay chữ số 8 bằng chữ số 0 ta được số 906 để ngược lại vẫn là số 906.

Như vậy ta tìm được thêm số là: 689, 986 và 906.

242. Tính nhẩm nhanh và hợp lí:

$$63 + 21 = 63 + 1 + 20$$

$$= 64 + 20 = 84$$

$$\text{Vậy : } 63 + 21 = 84.$$

$$63 - 27 = 50 + 13 - 20 - 7$$

$$= 50 - 20 + 13 - 7$$

$$= 30 + 6 = 36$$

$$\text{Vậy } 63 - 27 = 36.$$

$$49 + 36 = 49 + 1 + 35$$

$$= 50 + 35 = 85$$

$$\text{Vậy : } 49 + 36 = 85.$$

$$52 + 27 = 50 + 2 + 27$$

$$= 50 + 29 = 79$$

$$54 - 38 = 40 + 14 - 30 - 8$$

$$= 40 - 30 + 14 - 8$$

$$= 10 + 6 = 16$$

$$\text{Vậy : } 54 - 38 = 16.$$

.....

$$\text{Vậy: } 52 + 27 = 79.$$

.....

$$68 - 24 = 68 - 20 - 4$$

$$= 48 - 4 = 44$$

$$\text{Vậy } 68 - 24 = 44.$$

.....

Phần còn lại bạn đọc tự làm.

Ghi nhớ: – Khi cộng nhẩm, ta làm tròn chục hoặc tròn trăm một số cho dễ cộng.

– Khi trừ nhẩm, ta tách số trừ thành số chẵn chục cộng với số đơn vị để dễ trừ.

243. Để ý ta thấy: $13 - 6 = 7$ mà 7 khác với 8.

$$\text{Và } 7 - 2 - 1 = 4 \text{ mà } 4 \text{ khác } 5.$$

Vậy ta đổi chỗ hai miếng bìa có chữ số 7 và 8 cho nhau ta được phép tính đúng:

$$\boxed{8} \boxed{3} - \boxed{2} \boxed{6} = \boxed{5} \boxed{7}$$

hoặc có thể đổi như sau:

$$\boxed{8} \boxed{3} - \boxed{5} \boxed{6} = \boxed{2} \boxed{7}$$

144. a) Để ý ta thấy: $\boxed{4} \boxed{5} + \boxed{2} \boxed{9} = \boxed{7} \boxed{1}$ (sai)

$$7 + 2 = 2 + 7 = 9$$

$$1 + 4 = 4 + 1 = 5$$

Do đó ta đổi chỗ các miếng bìa để có các phép tính đúng sau:

$$\boxed{7} \boxed{4} + \boxed{2} \boxed{1} = \boxed{9} \boxed{5}$$

$$\boxed{7} \boxed{1} + \boxed{2} \boxed{4} = \boxed{9} \boxed{5}$$

$$\boxed{1} \boxed{2} + \boxed{4} \boxed{7} = \boxed{5} \boxed{9}$$

$$\boxed{1} \boxed{7} + \boxed{4} \boxed{2} = \boxed{5} \boxed{9}$$

b) Nếu quay ngược miếng bìa ghi số 9 trong phép tính sai ta có :

thành

$$\begin{array}{|c|c|} \hline 4 & 5 \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|} \hline 2 & 9 \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|c|} \hline 7 & 1 \\ \hline \end{array} \quad \text{sai}$$

$$\begin{array}{|c|c|} \hline 4 & 5 \\ \hline \end{array} + \begin{array}{|c|c|} \hline 2 & 6 \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|c|} \hline 7 & 1 \\ \hline \end{array} \quad \text{đúng}$$

Như vậy, không cần phải đổi chỗ các miếng bìa cho nhau.

245.

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

a) Quan sát bảng bên ta thấy, nếu tính từ phải sang trái thì mỗi số ở cột bên trái luôn lớn hơn mỗi số ở cột liền với nó (về bên trái) và cùng hàng là 1 đơn vị.

Có 4 hàng mỗi hàng thêm 1 đơn vị nên tổng các số ở cột thứ hai hơn tổng các số ở cột

thứ nhất là 4 đơn vị. Cụ thể là:

$$2 + 7 + 12 + 17 = 38$$

$$38 - 34 = 4$$

Tương tự, tổng các số ở cột thứ ba hơn tổng các số ở cột thứ hai là 4. v. v

Vậy tổng các số ở cột thứ ba là:

$$38 + 4 = 42$$

Tổng các số ở cột thứ tư là:

$$42 + 4 = 46$$

Tổng các số ở cột thứ năm là:

$$46 + 4 = 50.$$

b) Ta thấy mỗi số ở hàng liền dưới hơn số ở hàng liền trên cùng cột là 5 đơn vị. Chẳng hạn:

$$6 - 1 = 5 \quad 11 - 6 = 5 \dots\dots\dots 10 - 5 = 5 \quad 20 - 15 = 5$$

Mỗi hàng có 5 số nên tổng các số ở hàng liền dưới hơn tổng các số ở hàng liền trên là:

$$5 \times 5 = 25.$$

Vậy : Tổng các số ở hàng hai là:

$$15 + 25 = 40$$

Tổng các số ở hàng ba là:

$$40 + 25 = 65$$

Tổng các số ở hàng bốn là:

$$65 + 25 = 90$$

246. Để ý ta thấy:

Mỗi tứ giác có 4 số ở 4 đỉnh.

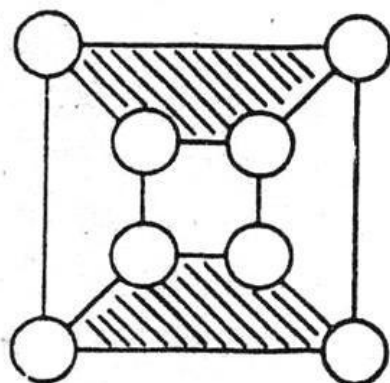
Mỗi đường chéo cũng có 4 số và:

$$1 + 8 = 9$$

$$3 + 6 = 9$$

$$2 + 7 = 9$$

$$4 + 5 = 9$$



Nên nếu điền vào hai đỉnh của hai tứ giác có gạch chéo theo đường chéo của tứ giác lớn bao quanh 4 cặp số trên thì tổng 4 số ở các đỉnh hai tứ giác gạch chéo đều có tổng là:

$$9 + 9 = 18$$

Tổng các số ở hai đường chéo cũng là:

$$9 + 9 = 18$$

Vậy ta điền như hình bên thì sẽ thoả mãn mọi điều kiện của đề bài vì:

Ở tứ giác 1, tổng 4 số là:

$$1 + 8 + 6 + 3 = 18$$

Ở tứ giác 2, tổng 4 số là:

$$5 + 4 + 7 + 2 = 18$$

Ở tứ giác 3, tổng 4 số là:

$$3 + 6 + 7 + 2 = 18$$

Ở tứ giác 4, tổng 4 số là:

$$8 + 1 + 4 + 5 = 18$$

Ở hình vuông nhỏ, tổng 4 số là:

$$1 + 6 + 7 + 4 = 18$$

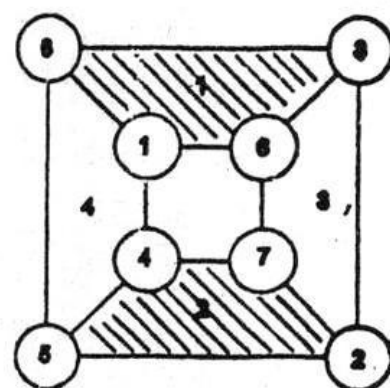
Ở hình vuông lớn, tổng 4 số là:

$$8 + 3 + 2 + 5 = 18$$

Ở hai đường chéo, tổng 4 số là:

$$8 + 1 + 7 + 2 = 18$$

$$\text{và } 3 + 6 + 4 + 5 = 18.$$



247. Số liền trước số (có hai hoặc ba chữ số) có hàng đơn vị là 0 là số có hàng đơn vị là 9.

Thí dụ: Số liền trước 10 là 9

Số liền trước 20 là 19

.....

Số liền trước 100 là 99

Số liền trước 500 là 499

.....

Ôn tập hình học và đo lường

248. Tính:

a) $81 \times ? - 31 \times ? = 101$

Nếu $81 \times ?$ và $31 \times ?$ đều là số chẵn chục thì chỉ có:

$$\begin{aligned} 81 \times 5 - 31 \times 10 \\ = 401 - 301 = 101. \end{aligned}$$

Nếu hai tích không phải là số chẵn chục thì chúng phải có hàng đơn vị giống nhau mà:

$8 \times 1 = 8$	và	$3 \times 1 = 3$ loại vì $3 < 8$
$8 \times 2 = 16$		$3 \times 2 = 6$ và $16 - 6 = 10$ (chọn)
$8 \times 3 = 24$		$3 \times 3 = 9$ loại vì là số lẻ
$8 \times 4 = 32$		$3 \times 4 = 12$ loại vì $32 - 12 = 20 > 10$
$8 \times 5 = 40$		$3 \times 5 = 15$ loại vì là số lẻ
$8 \times 6 = 48$		$3 \times 6 = 18$ loại vì $8 < 18$ và $48 - 18 > 10$
$8 \times 7 = 56$		$3 \times 7 = 21$ loại vì là số lẻ
$8 \times 8 = 64$		$3 \times 8 = 24$ vì $24 = 24$ và $64 - 24 > 10$
$8 \times 9 = 72$		$3 \times 9 = 27$ loại vì là số lẻ
$8 \times 10 = 80$		$3 \times 10 = 30$ vì là số chẵn chục.

Vậy $81 \times ? - 31 \times ? = 10$ ta có 2 đáp số là: 1) $8 \times 5 - 3 \times 10 = 10$ (l)
2) $8 \times 2 - 3 \times 2 = 10$ (l)

b) $31 \times ? - 81 = 101$.

Ta phải có $3 \times ?$ có hàng đơn vị của tích là 8, hàng chục là 1.

Vậy chỉ có $3 \times 6 = 18$.

Ta có: $31 \times 6 - 81 = 101$

249. Mẹ mua hết 800 đồng mà chỉ trả nhà hàng 1 tờ giấy bạc và nhà hàng phải trả lại thì mẹ đã đưa nhà hàng tờ giấy bạc loại 1000 đồng (H.S chỉ học đến số 1000).

Số tiền nhà hàng phải trả lại mẹ là: $1000 - 800 = 200$ (đồng).

Nhà hàng trả lại mẹ 2 tờ giấy bạc nên là 2 tờ loại 100 đồng.

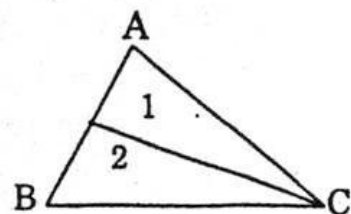
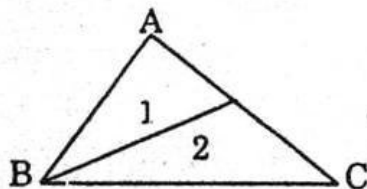
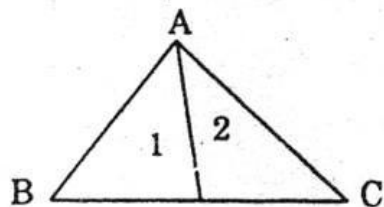
Đáp số: tờ 1000 đồng
2 tờ loại 100 đồng.

250. Ta gấp đoạn dây thành 3 phần bằng nhau, cắt lấy 1 phần thì sẽ được đúng 5 m vì :

$$15 : 3 = 5 \text{ (m)}$$

Đáp số : Cắt $\frac{1}{3}$ đoạn dây.

251. Bình vẽ 1 trong 3 cách sau:

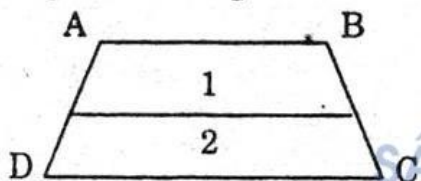


Vì hình gồm: Tam giác số 1

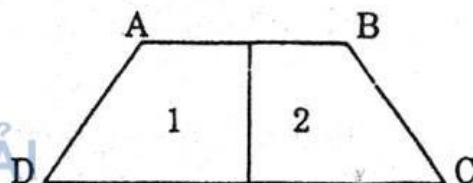
tam giác số 2

Và tam giác ban đầu (ABC)

252. Hồng vẽ 1 trong 2 cách sau:



(nối 2 cạnh bên)



(nối 2 cạnh trên, dưới)

Vì hình gồm: Tứ giác 1

Tứ giác 2

và tứ giác ABCD

253. Lấy lượng thịt gộp với quả cân 1 lạng thành 8 lạng. Chia đều vào hai đĩa cân, khi cân thăng bằng thì mỗi đĩa cân có khối lượng là:

$$8 : 2 = 4 \text{ (lạng)}$$

Khi đó, đĩa cân không có quả cân sẽ có 4 lạng thịt. Đĩa có quả cân sẽ có 3 lạng thịt vì :

$$4 - 1 = 3 \text{ (lạng)}$$

254. Ánh nói đúng. 9 hình tam giác đó là các tam giác:

AMN, APQ, ACS; ANE, AQR, ASE, AME, APR và ACB

255. Số điền ở hàng 3 (từ trên xuống), cột 3 (tính từ trái qua phải) là:

8	3	4
1	5	9
6	7	2

$$15 - 8 - 5 = 2$$

Số điền ở hàng 1, cột 3 là:

$$15 - 2 - 9 = 4$$

Số điền ở hàng 1 cột 2 là:

$$15 - 8 - 4 = 3$$

Số điền ở hàng 2 cột 1 là:

$$15 - 9 - 5 = 1$$

Số điền ở hàng 3, cột 1 là:

$$15 - 8 - 1 = 6$$

Số điền ở hàng 3, cột 2 là:

$$15 - 3 - 5 = 7$$

$$\text{hoặc: } 15 - 6 - 2 = 7$$

256. Chu vi hình tam giác ABC là:

$$3 \times 3 = 9 \text{ (cm)}$$

$$\text{Vi: } 3 + 3 + 3 = 3 \times 3$$

Đáp số: 9cm

257. Chu vi hình tứ giác ABCD là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (cm)}$$

$$\text{Vi: } 6 + 6 + 6 + 6 = 6 \times 4 = 24 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 24 cm

258. Đoạn CA dài 4 km, đoạn AB dài 5km.

Vậy đoạn đường người thứ nhất đi dài là:

$$4 + 5 = 9 \text{ (km)}$$

Các đoạn: CD, DE, EG, GH, IK, KL và LB đều dài 1km.

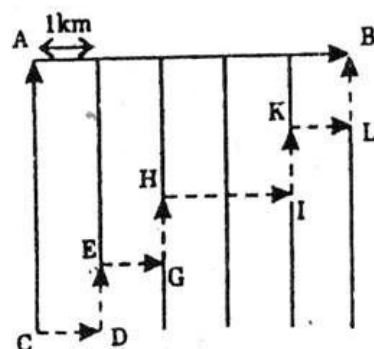
Riêng đoạn HI dài 2km.

Vậy đoạn đường người thứ hai đi dài là:

$$\begin{aligned} & CD + DE + EG + GH + HI + IK + KL + LB \\ &= 1 + 1 + 1 + 1 + 2 + 1 + 1 + 1 = 9 \text{ (km)} \end{aligned}$$

Nên đoạn đường hai người đi dài bằng nhau và bằng 9km.

Đáp số: Bằng nhau.



259. Nếu Thảo sinh vào ngày bình thường trong năm thì năm nào cũng có ngày kỷ niệm ngày sinh.

Nhưng cứ 4 năm Thảo mới có một lần kỷ niệm ngày sinh nên Thảo sinh vào ngày đặc biệt mà ngày này chỉ 4 năm mới xuất hiện.

Vậy ngày đó phải là ngày nhuận của năm nhuận vì cứ 4 năm mới có một năm nhuận. Ngày đó là ngày 29 tháng hai.

260. Xem giờ :



261. Có 3 khả năng xảy ra:

1) Nếu tháng này là một trong các tháng: tháng ba, tháng năm, tháng tám, tháng mười thì tháng liền sau sẽ là một trong các tháng: tháng tư, tháng sáu, tháng chín, tháng mười một nên ngày cuối cùng của tháng liền sau là ngày 30.

2) Nếu tháng này là tháng bảy hoặc tháng mười hai thì tháng liền sau là tháng tám hoặc tháng giêng nên ngày cuối cùng của tháng liền sau là ngày 31.

3) Nếu tháng này là tháng giêng (tháng 1) thì tháng liền sau là tháng hai nên ngày cuối cùng của tháng liền sau là ngày 28 nếu là năm thường hoặc là ngày 29 nếu là năm nhuận.